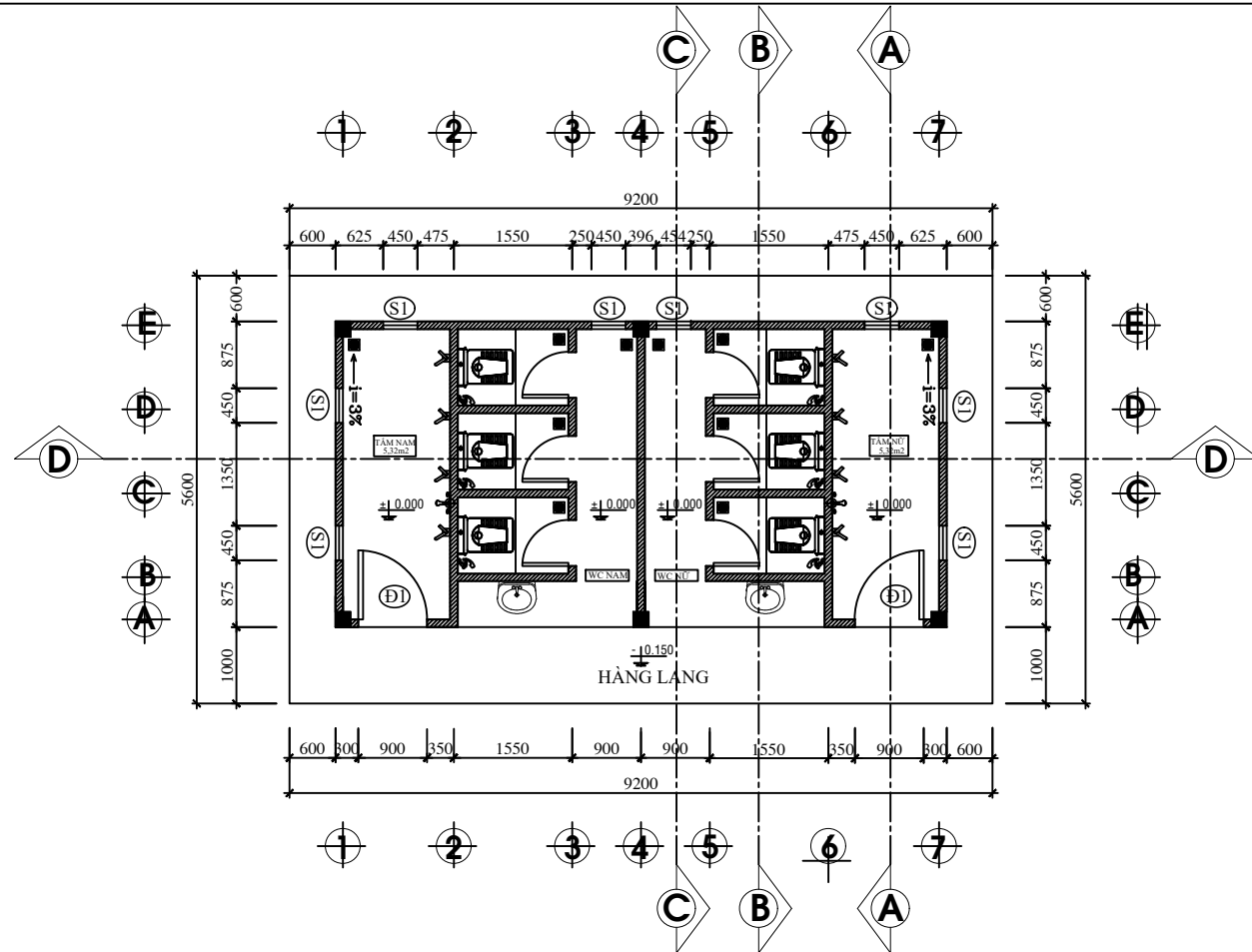


PHẦN KIẾN TRÚC

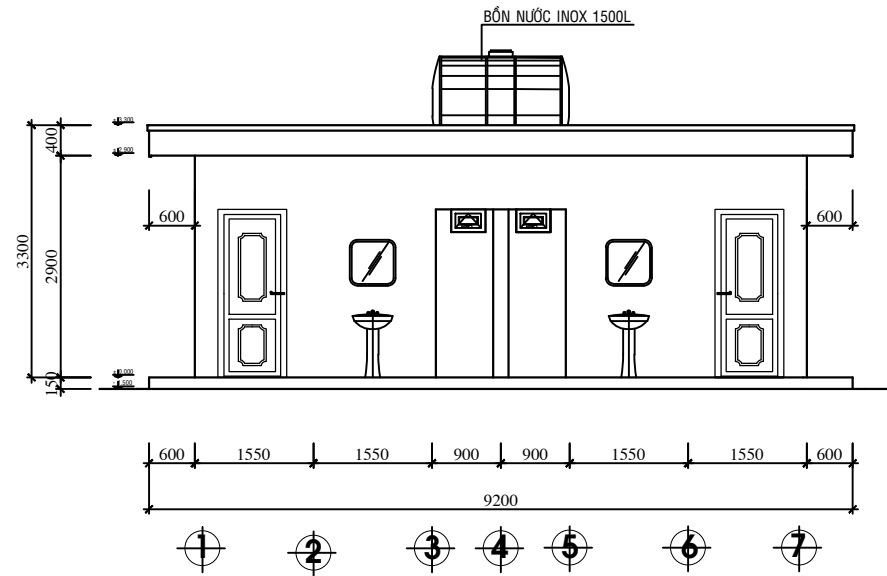


MẶT BẰNG

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bàn lề cối, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gạt, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bê phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

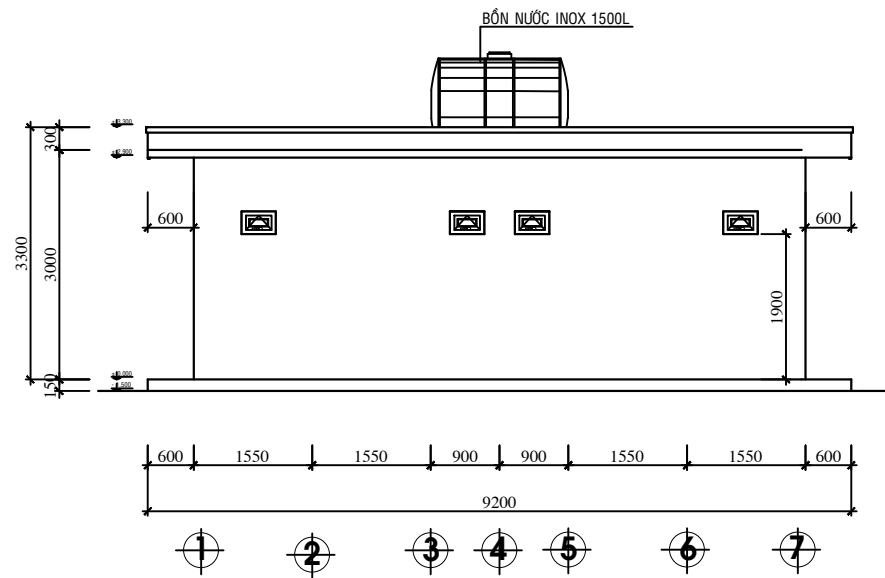


MẶT ĐÚNG TRỤC 1-7

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bàn lề cối, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gạt, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bể phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

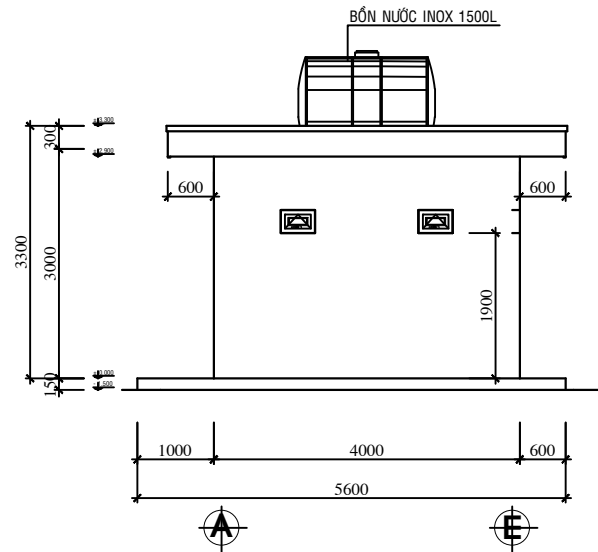


MẶT ĐÚNG TRỤC 7-1

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bản lề cối, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gạt, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bê phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

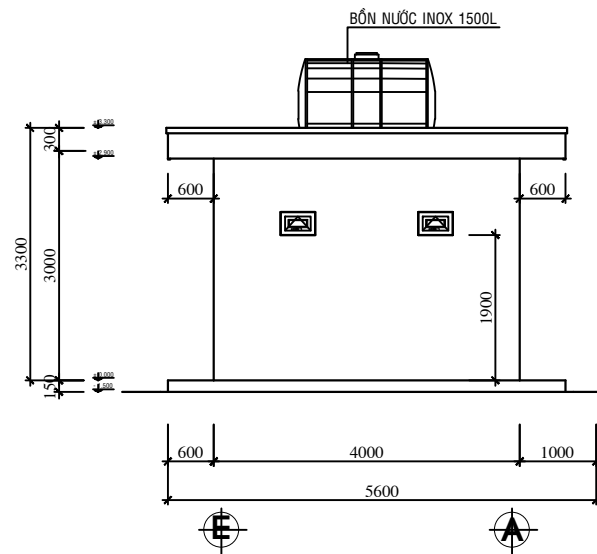


MẶT ĐÚNG TRỤC A-E

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bản lề cổi, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gat, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bê phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

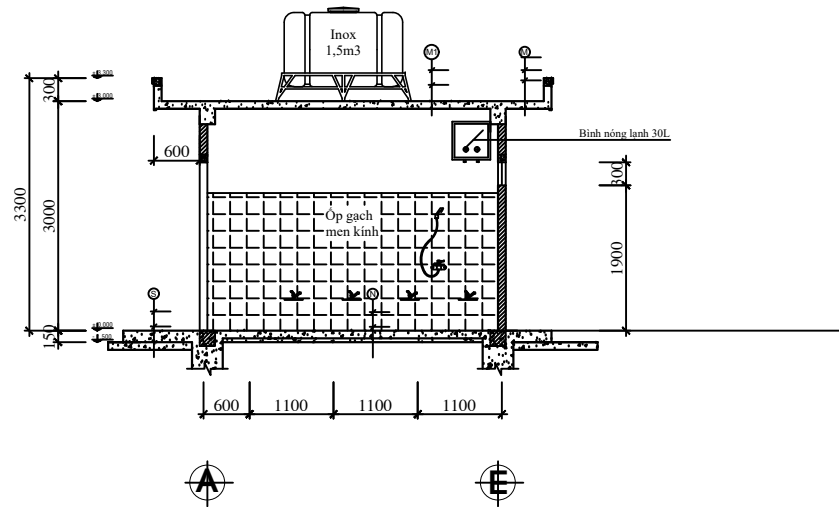


MẶT ĐÚNG TRỤC E-A

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bàn lề cối, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gat, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bê phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.



MẶT CẮT A-A

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bàn lề cối, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gạt, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bê phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

CHI TIẾT LỚP MÁI

- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quyết chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.

CHI TIẾT LỚP MÁI

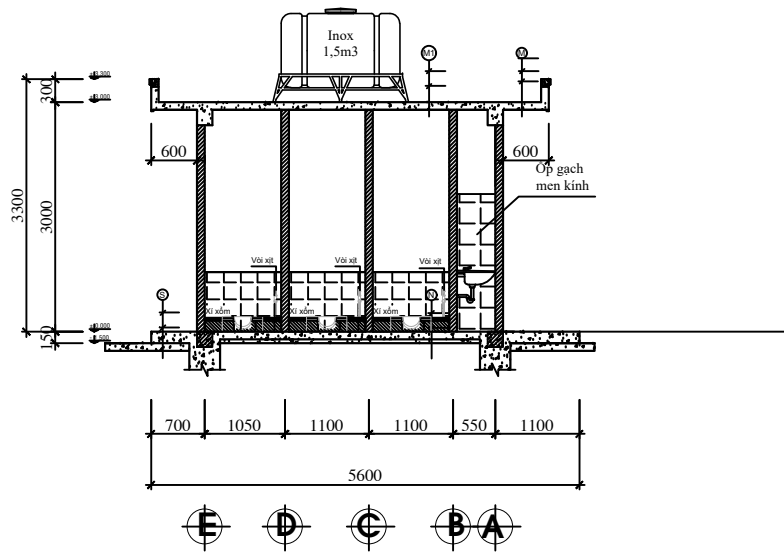
- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quyết chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.
 - Ốp gạch men kính KT $\leq 0,25m^2$

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (N)
- Lát nền gạch chống trơn KT $\leq 0,16m^2$
 - Xi xôm
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đất đắp đầm chặt.
 - Đất tự nhiên.

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (S)
- Láng nền VXM 100# dày 20mm.
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đất tự nhiên.



MẶT CẮT B-B

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bản lề cổi, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gat, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bề phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

CHI TIẾT LỚP MÁI

- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quét chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.

CHI TIẾT LỚP MÁI

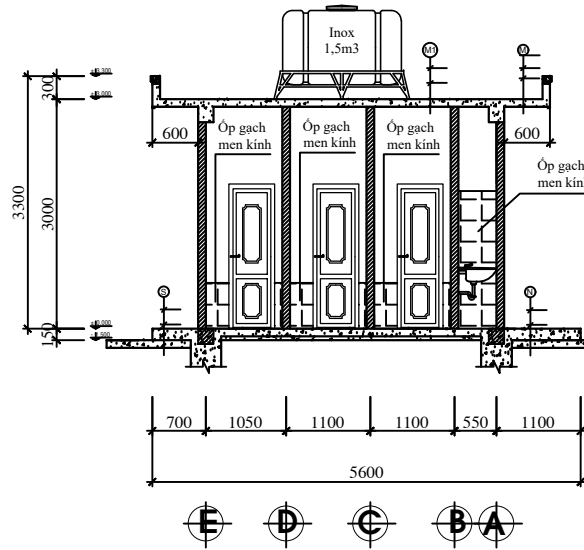
- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quét chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.
 - Ôp gạch men kính KT $\leq 0,25m^2$

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (N)
- Lát nền gạch chống trơn KT $\leq 0,16m^2$
 - Xi xôm
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đốt đắp đảm chặt.
 - Đất tự nhiên.

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (S)
- Láng nền VXM 100# dày 20mm.
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đất tự nhiên.



MẶT CẮT C-C

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bàn lề cối, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gạt, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bề phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

CHI TIẾT LỚP MÁI

- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quét chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.

CHI TIẾT LỚP MÁI

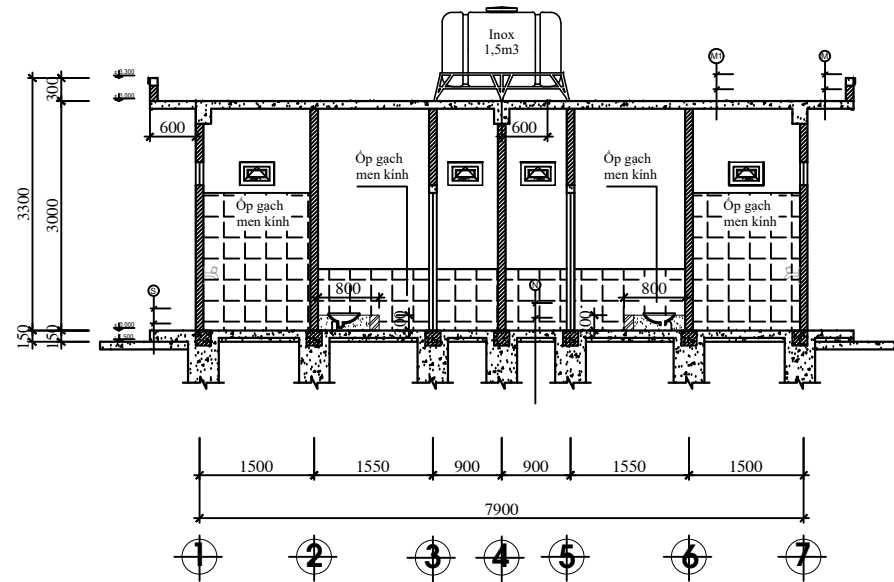
- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quét chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.
 - Ốp gạch men kính KT $\leq 0,25m^2$

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (N)
- Lát nền gạch chống trơn KT $\leq 0,16m^2$
 - Xi xôm
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đốt đắp đảm chặt.
 - Đất tự nhiên.

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (S)
- Láng nền VXM 100# dày 20mm.
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đất tự nhiên.



MẶT CẮT D-D

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- * Tường xây gạch bê tông (10x6x21) dày 10cm, VXM 50#.
- * Tường trong và ngoài nhà trát VXM 75# dày 20mm.
- * Trần, hèm má cửa trát VXM 75# dày 20mm.
- * Tường trong phòng ốp gạch men kính KT: $\leq 0,25m^2$, cao 1,8cm.
- * Nền lát gạch chống trơn KT: $\leq 0,16m^2$
- * Cửa đi Đ1: Cửa đi một cánh, mở quay vào trong, khung thép hộp tôn huỳnh.
- * Cửa sổ S1: Thiết kế nhôm hệ 55, kính màu trắng dày 6,38mm.
 - Phụ kiện gồm: Bản lề cổi, 02 bộ/1 cánh; Khóa tay gat, 01 bộ/1 cánh.
 - Toàn bộ công trình được sơn màu trực tiếp 01 nước lót 02 nước phủ.
 - (Trần, chi tiết sơn màu trắng, ngoài nhà sơn màu vàng kem).
 - Bề phốt được xây dựng và đặt ngoài công trình.

CHI TIẾT LỚP MÁI

- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quyết chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.

CHI TIẾT LỚP MÁI

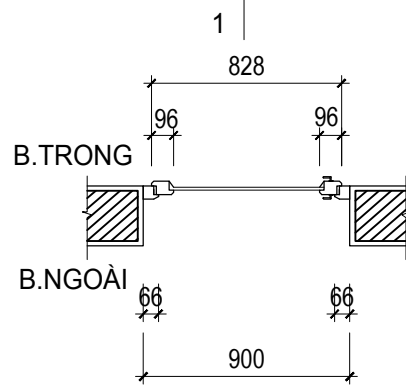
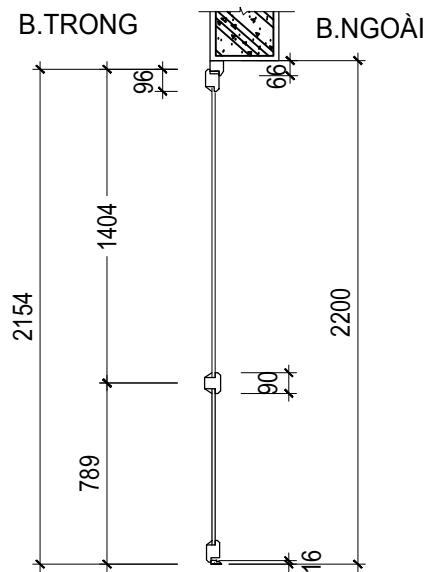
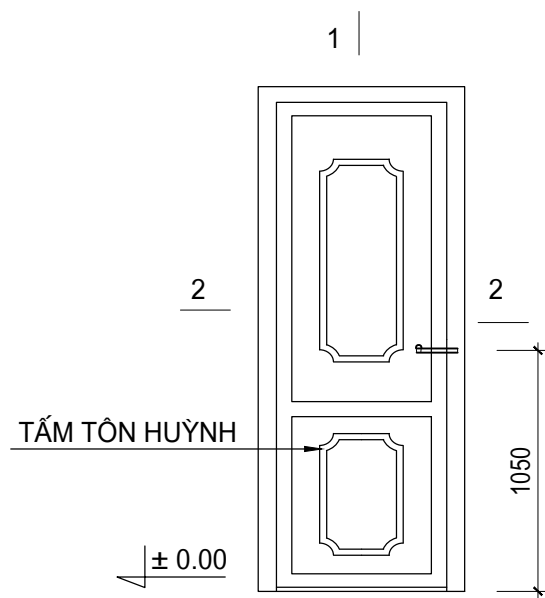
- (M)
- Láng vữa xi măng #100 dày 10mm.
 - Quyết chống thấm bằng sơn Sika.
 - Sàn BTCT #250 dày 100mm.
 - Trát vữa xi măng #75 dày 20mm.
 - Ốp gạch men kính KT $\leq 0,25m^2$

CHI TIẾT LỚP NỀN

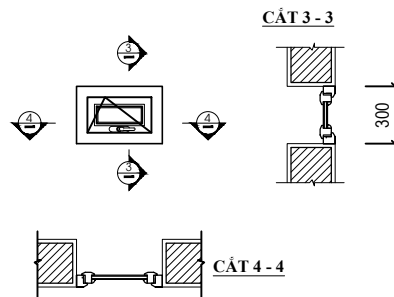
- (N)
- Lát nền gạch chống trơn KT $\leq 0,16m^2$
 - Xi xôm
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đốt đắp đảm chất.
 - Đất tự nhiên.

CHI TIẾT LỚP NỀN

- (S)
- Láng nền VXM 100# dày 20mm.
 - Bê tông mác 150# đá 1x2 dày 100mm.
 - Đất tự nhiên.



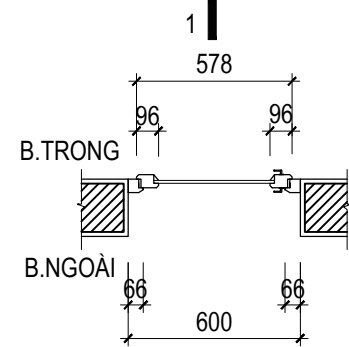
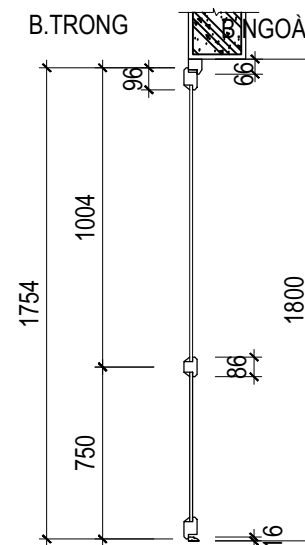
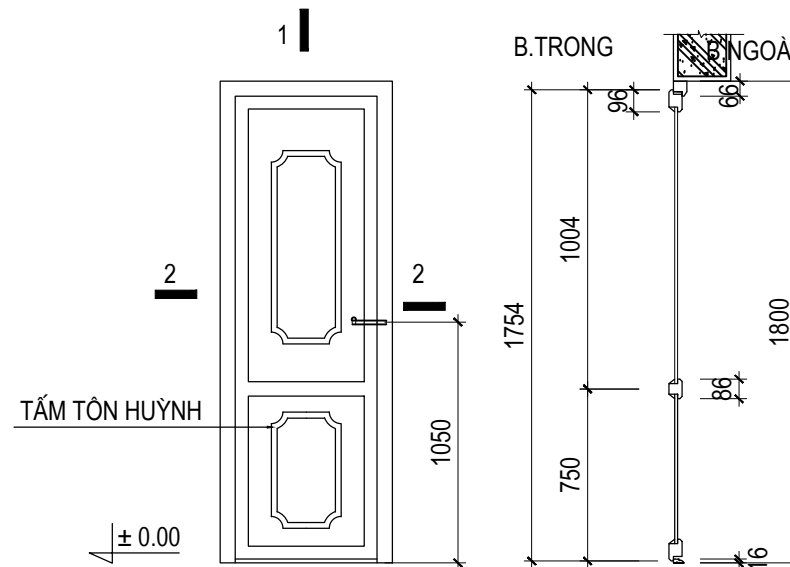
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

CỬA ĐI D1 (02 BỘ)

- CỬA ĐI 1 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG
- KHUNG THÉP HỘP, TÔN HUỖNH



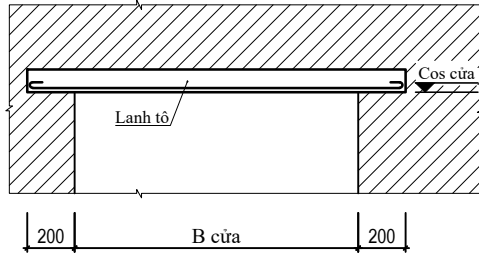
MẶT CẮT 1-1

MẶT CẮT 2-2

CỬA ĐI D2 (06 BỘ)

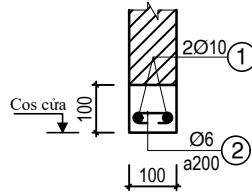
- CỬA ĐI 1 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG
- KHUNG THÉP HỘP, TÔN HUỖNH

MẶT ĐÚNG LANH TÔ CỬA



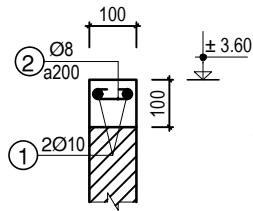
MẶT CẮT LANH TÔ Đ1

L = 1600mm; SL: (02 cái)



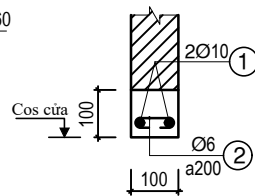
GIÀNG TƯỜNG GT1

L = 14,400mm; SL



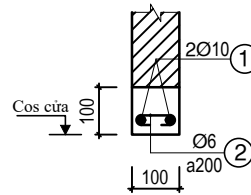
MẶT CẮT LANH TÔ S1

L = 600mm; SL: (04 cái)



MẶT CẮT LANH TÔ Đ2

L = 1200mm; SL: (06 cái)



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
GIÀNG GT1 Số lượng: 1	1	50 9170 50	10	9270	4	4	37.08	22.86
	2	50 5170 50	10	5270	4	4	21.08	13.00
	3	50 5170 50	6	5270	72	72	379.44	84.22

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 84.22 kg; Chiều dài = 379.44 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 35.86 kg; Chiều dài = 58.16 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
LT Đ1 Số lượng: 1	1	50 1570 50	10	1670	2	2	3.34	2.06
	2	50 70 50	6	170	9	9	1.53	0.34

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 0.34 kg; Chiều dài = 1.53 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 2.06 kg; Chiều dài = 3.34 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
LT Đ2 Số lượng: 1	1	50 1170 50	10	1270	2	2	2.54	1.57
	2	50 70 50	6	170	7	7	1.19	0.26

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 0.26 kg; Chiều dài = 1.19 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 1.57 kg; Chiều dài = 2.54 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
LT S1 Số lượng: 1	1	50 570 50	10	670	2	2	1.34	0.83
	2	50 70 50	6	170	5	5	0.85	0.19

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 0.19 kg; Chiều dài = 0.85 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 0.83 kg; Chiều dài = 1.34 mét

GHI CHÚ CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM CÔNG TRÌNH

- CÔNG TRÌNH : NHÀ Ở GIA ĐÌNH
- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :
- TẢI TRỌNG GIÓ : TÍNH TẢI TRỌNG GIÓ TIÊU CHUẨN CỦA VÙNG XÂY DỰNG VÀ CÓ KẾ ĐẾN CHE CHẮN CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN KỀ
- CẤP CHỐNG ĐỘNG ĐẤT : KHÔNG THIẾT KẾ KHÁNG CHẤN . CHỈ CẤU TẠO KHÁNG CHẤN
- GIẢI PHÁP KẾT CẤU PHẦN THÂN :
 HỆ KHUNG DẦM BTCT. KẾT CẤU SÀN GỒM CÁC Ồ BÀN SÀN BTCT TOÀN KHỐI
 TỰA TRÊN CÁC DẦM KHUNG VÀ DẦM PHỤ (KẾT HỢP ĐỒ TƯỜNG NGĂN)
- GIẢI PHÁP XỬ LÝ NỀN VÀ MÓNG : Móng đơn

2. CÁC TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHO CÔNG TRÌNH

BẢNG 1.

STT	TÀI LIỆU	KÍ HIỆU
1	- QUY CHUẨN XÂY DỰNG VIỆT NAM HIỆN HÀNH	
2	- TẢI TRỌNG VÀ TÁC ĐỘNG - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 2737 - 2020
3	- KẾT CẤU GẠCH ĐÁ VÀ GẠCH ĐÁ CỐT THÉP. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 5573 - 2011
4	- KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 5574 - 2018
5	- KẾT CẤU THÉP. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 5575 - 2012
6	- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH CHỊU ĐỘNG ĐẤT	TCVN 9386 - 2012
7	- CỌC - PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG BẢNG TẢI TRỌNG TÍNH ÉP DỌC TRỰC	TCVN 9393 - 2012
8	- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ NỀN NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH	TCVN 9362 - 2012
9	- MÓNG CỌC - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 10304 - 2014
10	- XI MĂNG XÂY TRÁT	TCVN 9202 - 2012
11	- THÉP CỐT BÊ TÔNG	TCVN 1651 - 2018

3. KÍCH THƯỚC TRONG HỒ SƠ

NGOẠI TRỪ NHỮNG KÍCH THƯỚC ĐƯỢC CHỈ RÕ TRONG BẢN VẼ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG HỒ SƠ SỬ DỤNG GHI BẰNG MILIMET (MM)
- TẤT CẢ CÁC CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ KẾT CẤU LÀ CAO ĐỘ TUYỆT ĐỐI. LẤY THEO PHẦN THỜ KẾT CẤU ĐƠN VỊ BẰNG MÉT (M)
- KÍCH THƯỚC TIẾT DIỆN CỦA CẦU KIẾN CỘT, DẦM THỂ HIỆN TRÊN MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐƯỢC GHI BẰNG CEMENTIMET (CM)

4. TẢI TRỌNG TÁC ĐỘNG

BẢNG 2.

STT	TÍNH TẢI	TRỌNG LƯỢNG RIÊNG	HỆ SỐ ĐỘ TIN CẬY
1	- BÊ TÔNG	2500 (KG/M ³)	1.1
2	- VỮA LÓT	1800 (KG/M ³)	1.3
3	- VỮA TRÁT	1800 (KG/M ³)	1.3
4	- GẠCH LÁT	2000 (KG/M ³)	1.1
5	- GẠCH ĐẶC	1800 (KG/M ³)	1.1
6	- GẠCH LỖ	1400 (KG/M ³)	1.1
7	- GẠCH BÊ TÔNG KHÍ TRÙNG ÁP	900 (KG/M ³)	1.1

BẢNG 3.

	HOẠT TẢI SỬ DỤNG	TẢI ĐƠN VỊ	HỆ SỐ ĐỘ TIN CẬY
1	- SÀN CẦU THANG	300 (KG/M ²)	1.2
2	- SÀN HÀNH LANG	300 (KG/M ²)	1.2
3	- SÀN BAN CÔNG VÀ LOGIA	200 (KG/M ²)	1.2
4	- SÀN VĂN PHÒNG LÀM VIỆC	200 (KG/M ²)	1.2
5	- SÀN PHÒNG HỌP VÀ HỘI TRƯỞNG	400 (KG/M ²)	1.2
6	- SÀN PHÒNG NGỦ CÁN BỘ	150 (KG/M ²)	1.3
7	- SÀN VỆ SINH CÁN BỘ	150 (KG/M ²)	1.3
8	- SÀN PHÒNG NGỦ KHÁCH SẠN	200 (KG/M ²)	1.2
9	- SÀN PHÒNG KHÁCH	200 (KG/M ²)	1.2
10	- SÀN VỆ SINH KHU VĂN PHÒNG	200 (KG/M ²)	1.2
11	- SÀN KINH DOANH CỬA HÀNG VÀ ĂN UỐNG	300 (KG/M ²)	1.2
12	- SÀN CỬA HÀNG TRUNG BÀY VÀ SIÊU THỊ	400 (KG/M ²)	1.2
13	- SÀN GARAGE ÔTÔ	500 (KG/M ²)	1.2
14	- SÀN PHÒNG MÁY	750 (KG/M ²)	1.2
15	- SÀN MÁI BĂNG CỐ SỬ DỤNG	150 (KG/M ²)	1.3
16	- SÀN MÁI BĂNG KHÔNG SỬ DỤNG	75 (KG/M ²)	1.3
17	- SÀN MÁI TÔN KHÔNG SỬ DỤNG	30 (KG/M ²)	1.3

BẢNG 4.

	HOẠT TẢI GIÓ	TẢI ĐƠN VỊ	HỆ SỐ ĐỘ TIN CẬY
1	KHU VỰC XÂY DỰNG	95 (KG/M ²)	1.2

5. DANH MỤC VẬT LIỆU SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH

5.1 BÊ TÔNG

- CÁC CHỈ ĐỊNH VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA BÊ TÔNG TRONG MỤC NÀY CĂN CỨ THEO ĐIỀU 5. MỤC 5.1 TCVN 5574 - 2018

BẢNG 1. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CỦA BÊ TÔNG

CẤU KIỆN \ VẬT LIỆU	BÊ TÔNG			
	MÁC	ĐỘ SỤT (CM)	Rb (KG/CM ²)	Rbt (KG/CM ²)
- CỌC BÊ TÔNG	250	-	115	9.0
- BÊ TÔNG LÓT	100	-	45	4.8
- MÓNG	250	-	115	9.0
- CỘT VÀ VÁCH	250	-	115	9.0
- DẦM VÀ SÀN	250	-	115	9.0
- BÊ NƯỚC NGẤM	250	-	115	9.0
- CẦU THANG BỘ	250	-	115	9.0
- LANH TỜ	250	5->10	115	9.0

TRONG ĐÓ:

- Rb: CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN NÉN DỌC TRỰC
- Rbt: CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN KÉO DỌC TRỰC
- ĐỐI VỚI CẤU KIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP SỬ DỤNG PHỤ GIA CHỐNG THẤM HOẶC PHỤ VẬT LIỆU CHỐNG THẤM. CHÚNG LOẠI VẬT LIỆU CHỐNG THẤM ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH TẠI BẢN VẼ THIẾT KẾ
- CẤP CHỐNG THẤM CỦA TƯỜNG VÂY, SÀN TẦNG HẦM, KHU VỰC ĐƯỜNG TRÊN SÀN TẦNG 1 LÀ B10

GHI CHÚ CHUNG

5.2 CỐT THÉP

- CÁC CHŨNG LOẠI THÉP SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH PHẢI ĐẠT CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ VÀ PHẢI CÓ CHŨNG CHỈ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
- CHI TIẾT CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT CỐT THÉP PHẢI PHÙ HỢP VỚI BẢN VẼ THIẾT KẾ
- CÁC SAI SỐ KHI CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT PHẢI TUÂN THỦ QUY ĐỊNH TẠI BẢNG 2

BẢNG 2. KÍCH THƯỚC SAI LỆCH CỦA CỐT THÉP ĐÃ GIA CÔNG

CÁC SAI LỆCH	SAI SỐ CHO PHÉP
SAI LỆCH KÍCH THƯỚC THEO CHIỀU DÀI CỦA CỐT THÉP CHỊU LỰC	-
- TRÊN 1 MÉT DÀI	±5 MM
- TRÊN TOÀN BỘ CHIỀU DÀI	±20 MM

BẢNG 3. KÍCH THƯỚC, CƯỜNG ĐỘ, KHỐI LƯỢNG VÀ DUNG SAI CỦA VẬT LIỆU THÉP SỬ DỤNG

ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	DIỆN TÍCH MẶT CẮT NGANG (CM ²)	LOẠI THÉP	TRỌNG LƯỢNG (KG/M DÀI)	R _k (KG/CM ²)	DUNG SAI (%)
6	0.283	CB-240T	0.222	2100	± 8
8	0.503	CB-240T	0.395	2100	± 8
10	0.785	CB-300V	0.617	2600	± 5
12	1.131	CB-300V	0.888	2600	± 5
14	1.540	CB-300V	1.210	2600	± 5
16	2.010	CB-300V	1.580	2600	± 5
18	2.545	CB-300V	2.000	2600	± 5
20	3.140	CB-300V	2.470	2600	± 5
22	3.800	CB-300V	2.980	2600	± 4
25	4.900	CB-300V	3.850	2600	± 4
28	6.155	CB-300V	4.830	2600	± 4
30	7.065	CB-300V	5.550	2600	± 4

5.3 KHỐI XÂY

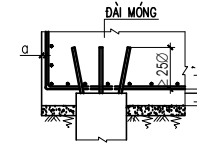
- TƯỜNG BAO CHE, TƯỜNG KHU VỆ SINH XÂY BẰNG GẠCH ĐẶC MÁC 75 VỚI VỮA XI MĂNG MÁC 75
- TƯỜNG NGĂN XÂY BẰNG GẠCH RỒNG MÁC 75 VỚI VỮA XI MĂNG MÁC 75
- CÁC VỊ TRÍ KHÁC XÂY BẰNG VẬT LIỆU KHÁC SẼ CÓ CHỈ DẪN TRÊN BẢN VẼ

A. LỚP BẢO VỆ THÉP TRONG BÊ TÔNG

1. MÓNG

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ THÉP DÀY:

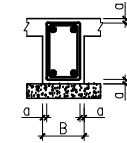
- a = 50 MM
- b = 100 MM ĐỐI VỚI CỌC ÉP VÀ ĐÓNG
- b' = 50 MM
- Ø LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP



2. DẦM MÓNG VÀ DẦM SÀN TẦNG HẦM

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP DÀY:

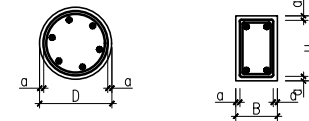
- a = 30 MM



3. CỘT VÀ VÁCH

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP CHỊU LỰC:

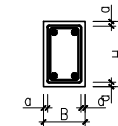
- a ≥ 25 MM VÀ a ≥ d
- d LÀ ĐƯỜNG KÍNH THÉP CHỊU LỰC LỚP NHẤT



4. DẦM

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP CHỊU LỰC:

- a ≥ 25 MM VÀ a ≥ d
- d LÀ ĐƯỜNG KÍNH THÉP CHỊU LỰC LỚP NHẤT



5. SÀN

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP DÀY:

- a = 25 MM KHI H ≥ 15 CM
- a = 20 MM KHI H < 15 CM
- d LÀ ĐƯỜNG KÍNH THÉP CHỊU LỰC LỚP NHẤT
- H LÀ CHIỀU DÀY SÀN



PHẦN KẾT CẤU

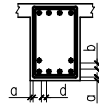
GHI CHÚ CHUNG

C. KHOẢNG CÁCH THÉP CHỊU LỰC CỦA DẦM

- KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC CỐT THÉP CHỊU LỰC TỐI THIỂU

$$\begin{cases} d \geq 25 & b \geq 25 \\ d \geq 1,5\phi & a = 25 \end{cases}$$

d LÀ KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC CỐT THÉP DỌC CHỊU LỰC

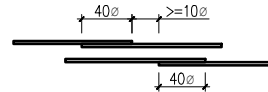


D. CHIỀU DÀI NỐI THÉP TRONG BÊ TÔNG

- ĐỐI VỚI THÉP GAI (AII VÀ AIII)

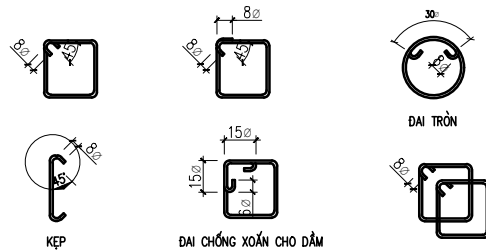
- CÁC VỊ TRÍ NỐI THÉP NẪM TRONG CÙNG MỘT MẶT CẮT KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 50% MÀ PHẢI NỐI XEN KÊ (XEM HÌNH MINH HỌA)

- MINH HỌA NỐI THÉP



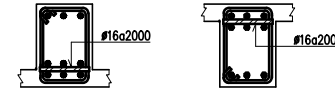
- VỊ TRÍ NỐI THÉP DỌC CỦA DẦM PHẢI NẪM TRONG PHẠM VI VÙNG CHỊU NÉN

E. CẤU TẠO ĐAI CỘT VÀ DẦM

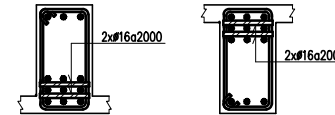


G. CHI TIẾT CỐT THÉP GIÁ ĐỖ THÉP CHỊU LỰC

1. THÉP GIÁ CHO DẦM CÓ 2 LỚP THÉP

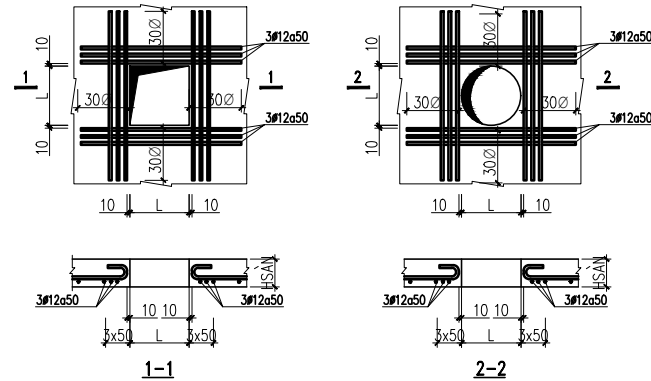


2. THÉP GIÁ CHO DẦM CÓ 3 LỚP THÉP

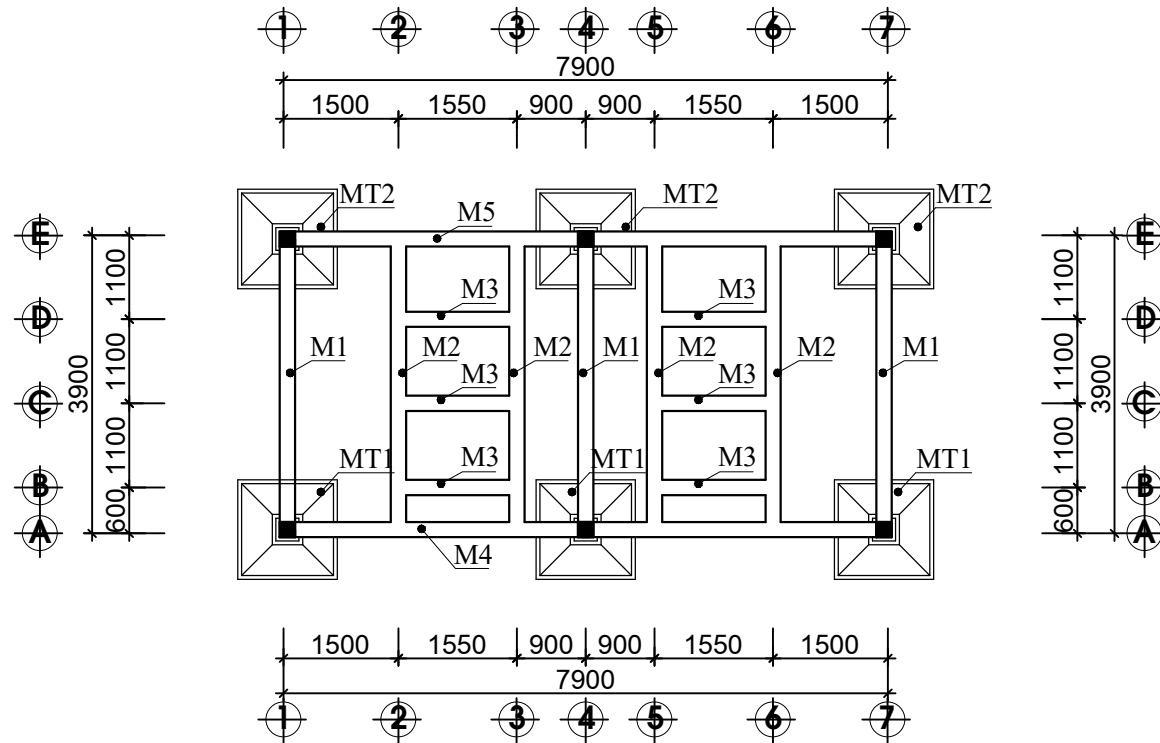


H. CHI TIẾT THÉP GIA CƯỜNG LỖ

1. LỖ KỸ THUẬT TRÊN SÀN 200<=L<=1000



I. CHI TIẾT GIA CƯỜNG DẦM TẠI VỊ TRÍ GIAO NHAU



MẶT CẮT BẰNG MÓNG

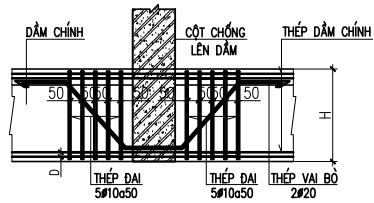
TL: 1/100

Ghi chú:

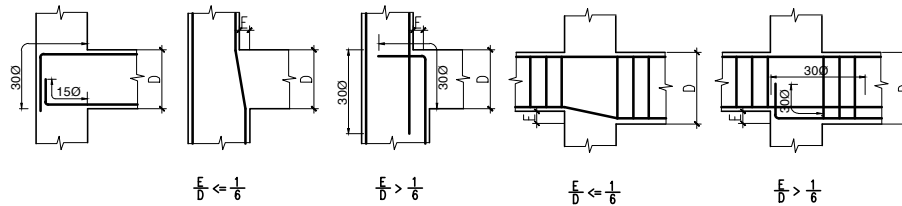
- Toàn bộ cốt thép móng được thi công bằng phương pháp nổi buộc.
- Thép chờ cột và những thanh thép dài hơn 11,7m được nối so le với nhau trong cùng cấu kiện và đảm bảo $L \text{ nối} = 30d$.
- Móng trụ; Giằng móng đổ BTCT mác 250# đá 1x2.
- Móng băng đổ bê tông mác 200# sỏi 4x6.

GHI CHÚ CHUNG

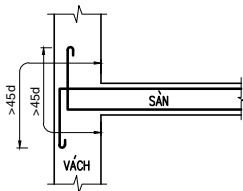
K. CHI TIẾT GIA CƯỜNG DẦM TẠI VỊ TRÍ CỘT CHỐNG LÊN DẦM CHÍNH



M. CHI TIẾT CẤU TẠO NÚT KHUNG

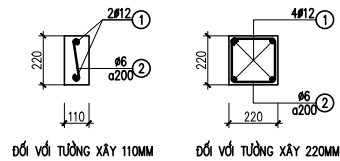


N. CHI TIẾT LIÊN KẾT THÉP SÀN VÀ VÁCH BÊ TÔNG



P. QUY ĐỊNH VỀ XÂY TƯỜNG

CÁC TƯỜNG BAO CHE, TƯỜNG LAN CAN, TƯỜNG NGĂN DÀI TRÊN 4M ĐỐI VỚI TƯỜNG 110MM VÀ 6M ĐỐI VỚI TƯỜNG 220MM PHẢI BỔ TRỢ BÊ TÔNG LIÊN KẾT. CHI TIẾT TRƯỞNG SAU:



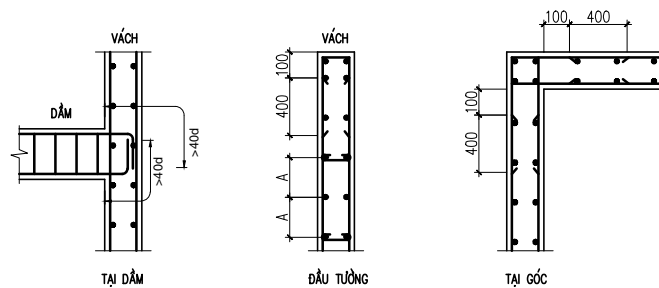
ĐỐI VỚI TƯỜNG XÂY 110MM

ĐỐI VỚI TƯỜNG XÂY 220MM

X. CÁC YÊU CẦU KHI THI CÔNG

- PHẢI CÓ BIỆN PHÁP THI CÔNG ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CÁC CÔNG TRÌNH LÂN CẬN.
- NHÀ THẦU PHẢI CÓ BIỆN PHÁP BẢO DƯỠNG THI CÔNG TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG.
- TẠI CHỖ GIAO CỬA CỘT (HOẶC TƯỜNG) VÀ DẦM (HOẶC SÀN) MÁC BÊ TÔNG LẤY BẰNG MÁC BÊ TÔNG CỦA CỘT (HOẶC TƯỜNG) TẦNG DƯỚI. TRONG VÙNG NÀY VIỆC THI CÔNG PHẢI HẾT SỨC CẨN THẬN, ĐẢM RUNG BÊ TÔNG THẬT KỸ.
- SÀN CÓ BƯỚC > 4M YÊU CẦU KHI CHỐNG COFFRAGE PHẢI TẠO ĐỘ VỒNG $f=1/400$ Ở GIỮA NHỊP VÀ CONSOLE TỪ 1M TRỞ LÊN PHẢI TẠO ĐỘ VỒNG $f=1/250$.
- CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG CỦA DẦM CONSOLE, SÀN KHÔNG ĐẦM PHẢI ĐẠT 100% CƯỜNG ĐỘ MỚI ĐƯỢC THÁO DỖ COFFRAGE.
- TẤT CẢ CÁC SÀN BÊ TÔNG CÓ TRẦN BÊN DƯỚI, PHẢI CHỜ SẴN CÁC THANH NEO TRONG SÀN.
- PHẢI CÓ SỰ PHỐI HỢP CHẶT CHÈ CÁC BẢN VẼ THI CÔNG CHUYÊN MÔN: KẾT CẤU, KIẾN TRÚC, ĐIỆN NƯỚC, PCCC, ĐIỀU HÒA,...ĐẶT CÁC ĐƯỜNG ỐNG VÀ ỐNG NỐI, KIỂM TRA CÁC LỖ MỐ. ĐỘ CHÍNH XÁC CÁC BỘ PHẬN ĐẶT CHỖ, TRÁNH KHOAN ĐỤC VÀO KẾT CẤU CHỊU LỰC.
- NẾU NỘI DUNG TRONG GHI CHÚ CHUNG KHÔNG PHÙ HỢP THÌ LẤY GHI CHÚ TRONG BẢN VẼ GHI CHÚ TRONG BẢN VẼ CHI TIẾT LÀM CHUẨN.
- SAI SỐ CHO PHÉP KHI ĐỔ SÀN BÊ TÔNG KHÔNG ĐẦM LÀ $f=1mm$
- NGOÀI CÁC GHI CHÚ ĐẶC BIỆT Ở DÂY, CÁC QUY ĐỊNH KHÁC ĐỀU PHẢI TUÂN THEO CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH.

Q. CHI TIẾT LIÊN KẾT VÁCH BÊ TÔNG CỐT THÉP

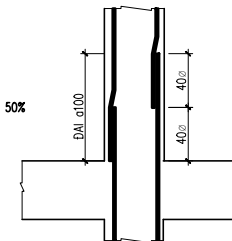


Y. CHIỀU DÀI NỐI THÉP CỘT

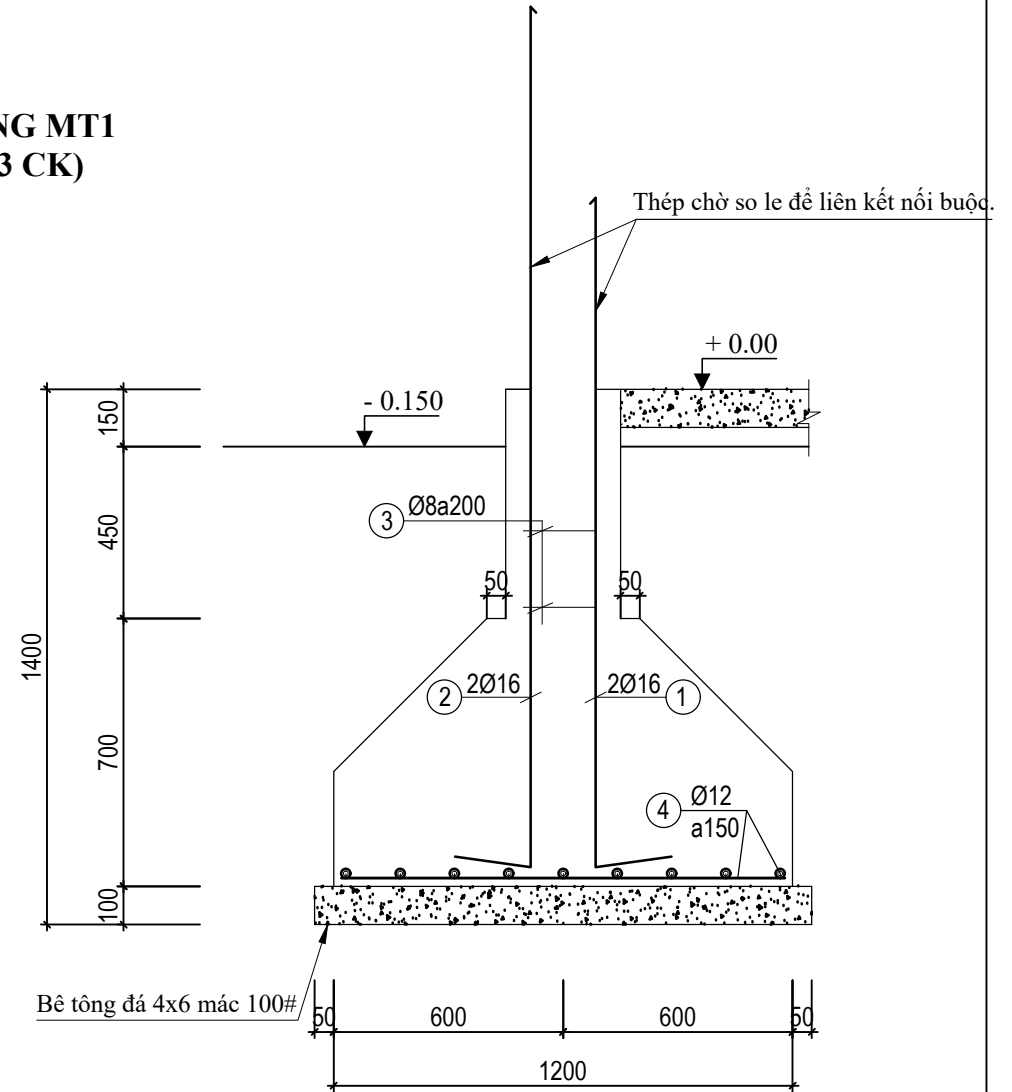
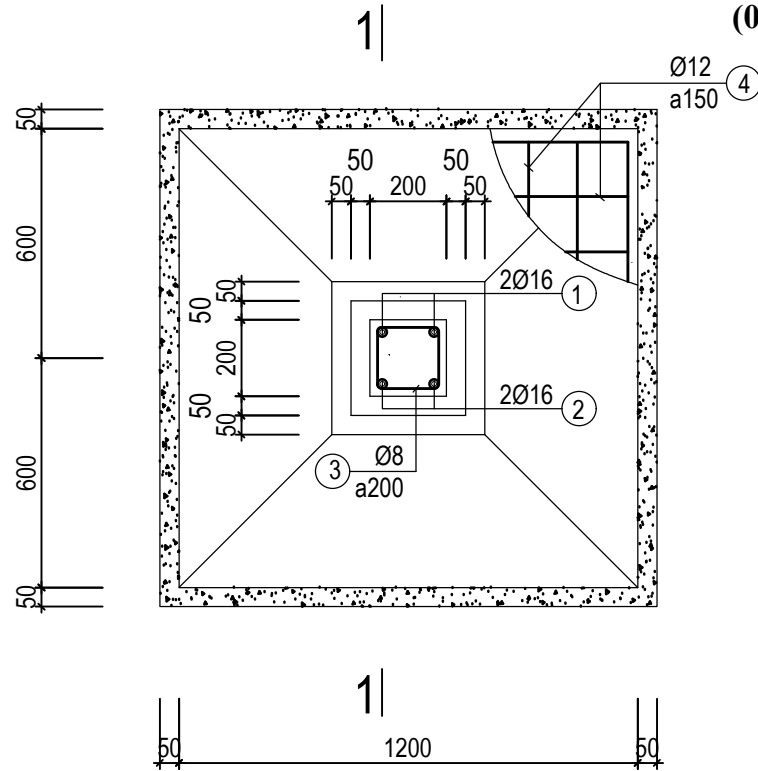
- ĐỐI VỚI THÉP GAI (AII VÀ AIII)

- CÁC VỊ TRÍ NỐI THÉP NẰM TRONG CÙNG MỘT MẶT CẮT KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 50% MÀ PHẢI NỐI XEN KÈ (XEM HÌNH MINH HỌA)

- MINH HỌA NỐI THÉP



MÓNG MT1 (03 CK)

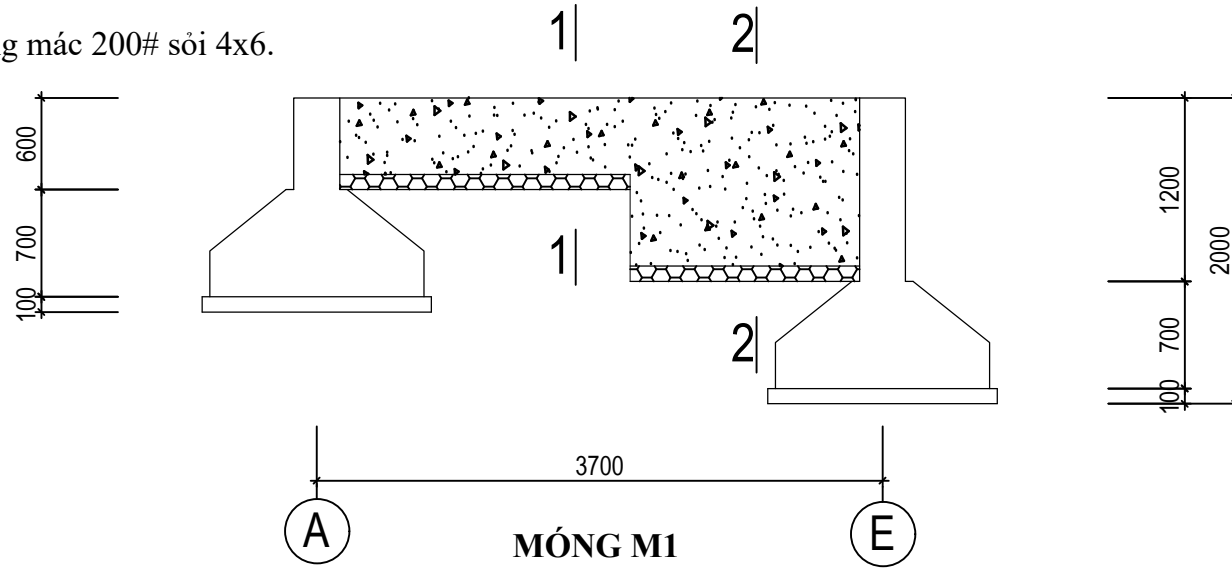


Ghi chú:

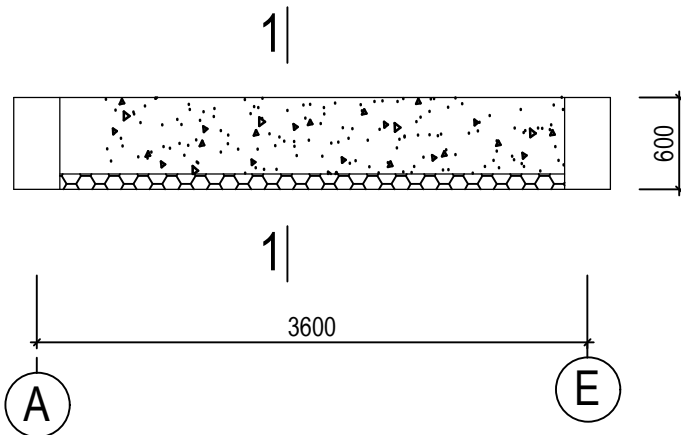
- Toàn bộ cốt thép móng được thi công bằng phương pháp nối buộc.
- Thép chờ cột và những thanh thép dài hơn 11,7m được nối so le với nhau trong cùng cấu kiện và đảm bảo $L \text{ nối} = 30d$.
- Móng trụ; Giường móng đổ BTCT mác 250# đá 1x2.
- Móng băng đổ bê tông mác 200# sỏi 4x6.

Ghi chú:

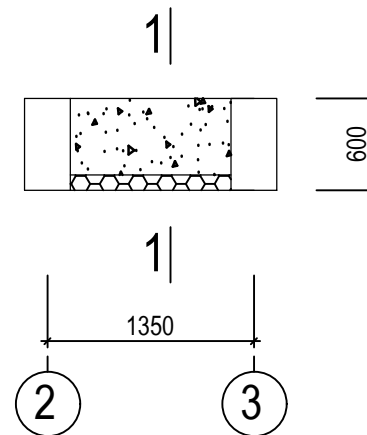
- Móng băng đổ bê tông mác 200# sỏi 4x6.



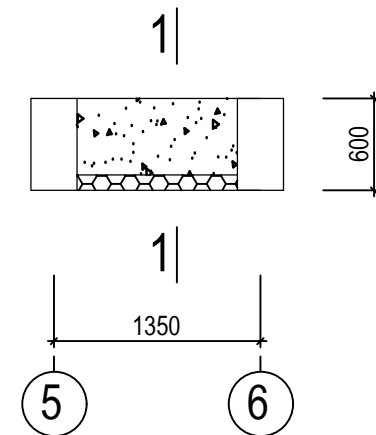
MÓNG M1
(03 CK)



MÓNG M2
(04 CK)



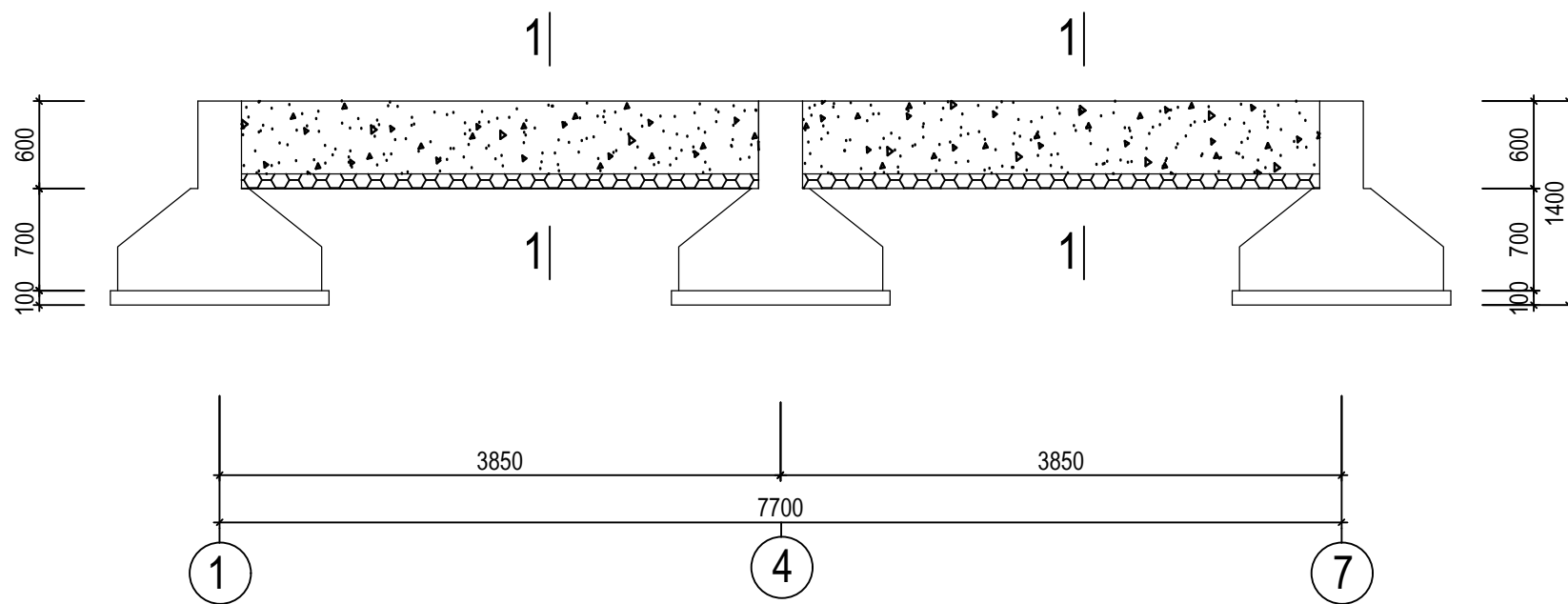
MÓNG M3
(03CK)



MÓNG M3
(03CK)

Ghi chú:

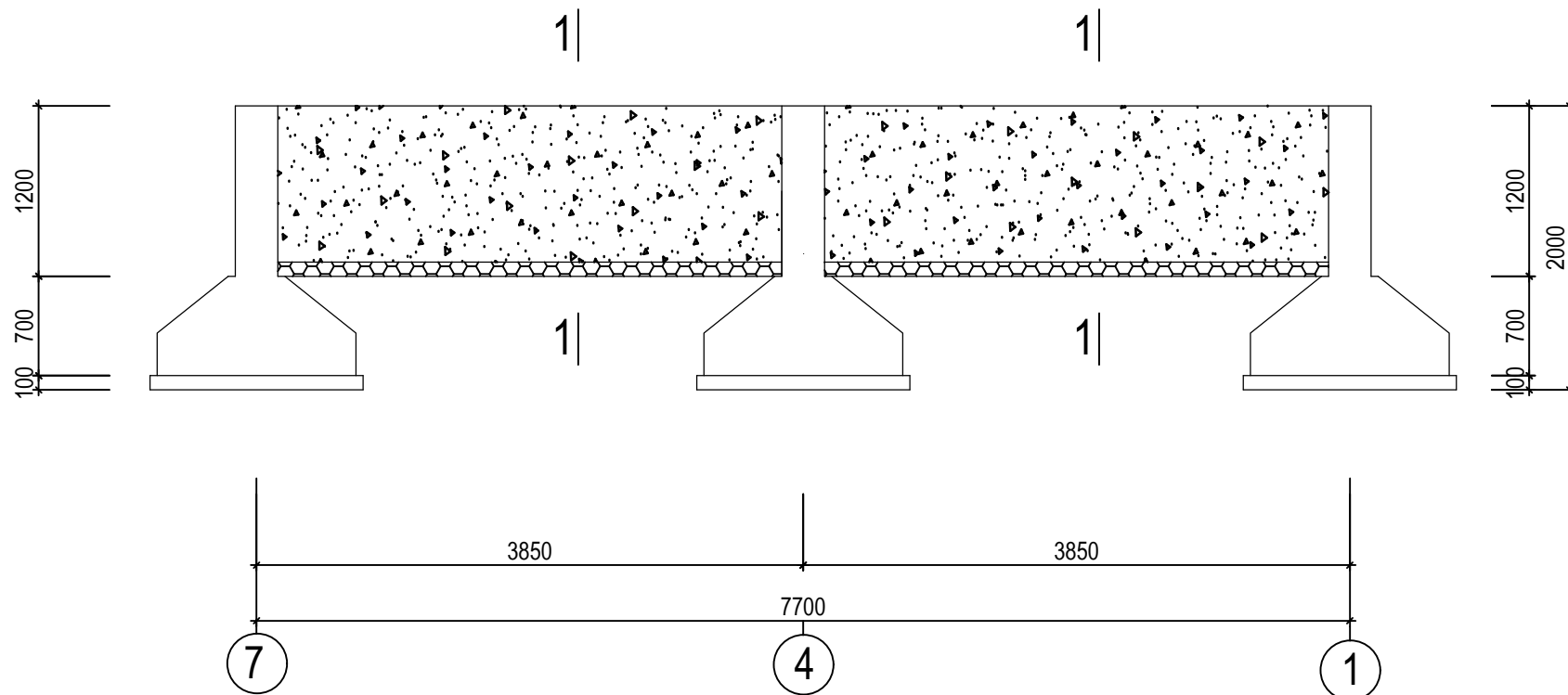
- Móng băng đổ bê tông mác 200# sợi 4x6.



**MÓNG M4 (01
CK)**

Ghi chú:

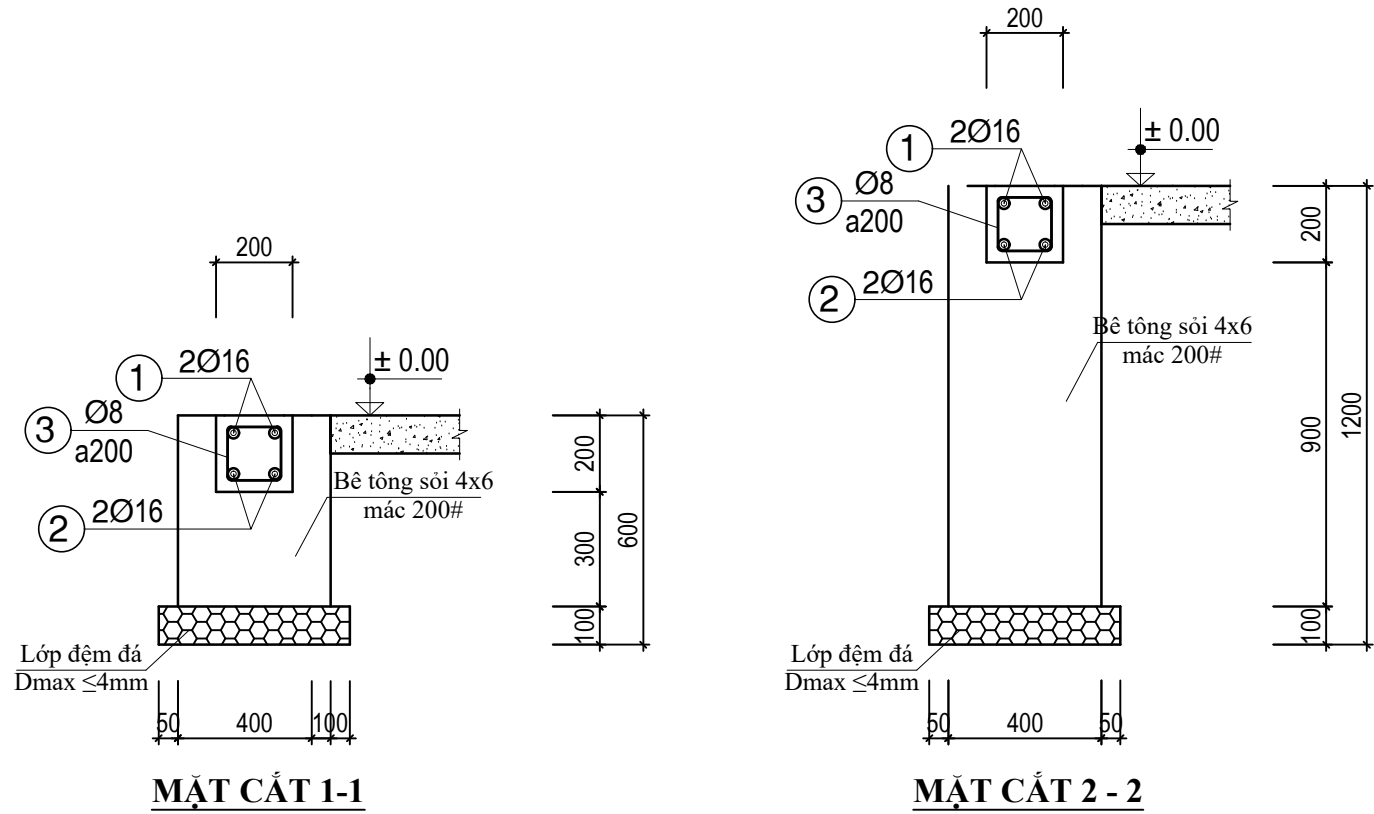
- Móng băng đổ bê tông mác 200# sỏi 4x6.



**MÓNG M5 (01
CK)**

Ghi chú:

- Móng băng đỡ bê tông mác 200# sợi 4x6.



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIẾN	T.BỘ		
MÔNG M1 Số lượng: 1	1	170 3870 170	16	4210	2	2	8.42	13.29
	2	3870	16	3870	2	2	7.74	12.22
	3	170 170 50	8	780	19	19	14.04	5.54

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 5.54 kg; Chiều dài = 14.04 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 25.51 kg; Chiều dài = 16.16 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIẾN	T.BỘ		
MÔNG M2 Số lượng: 1	1	170 3770 170	16	4110	2	2	8.22	12.97
	2	3770	16	3770	2	2	7.54	11.90
	3	170 170 50	8	780	17	17	13.26	5.23

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 5.23 kg; Chiều dài = 13.26 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 24.87 kg; Chiều dài = 15.76 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIẾN	T.BỘ		
MÔNG M3 TRỤC 2-3 Số lượng: 1	1	170 1520 170	16	1860	2	2	3.72	5.87
	2	1520	16	1520	2	2	3.04	4.80
	3	170 170 50	8	780	5	5	3.9	1.54

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 1.54 kg; Chiều dài = 3.9 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 10.67 kg; Chiều dài = 6.76 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIẾN	T.BỘ		
MÔNG M3 TRỤC 5-6 Số lượng: 1	1	170 1520 170	16	1860	2	2	3.72	5.87
	2	1520	16	1520	2	2	3.04	4.80
	3	170 170 50	8	780	5	5	3.9	1.54

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 1.54 kg; Chiều dài = 3.9 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 10.67 kg; Chiều dài = 6.76 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

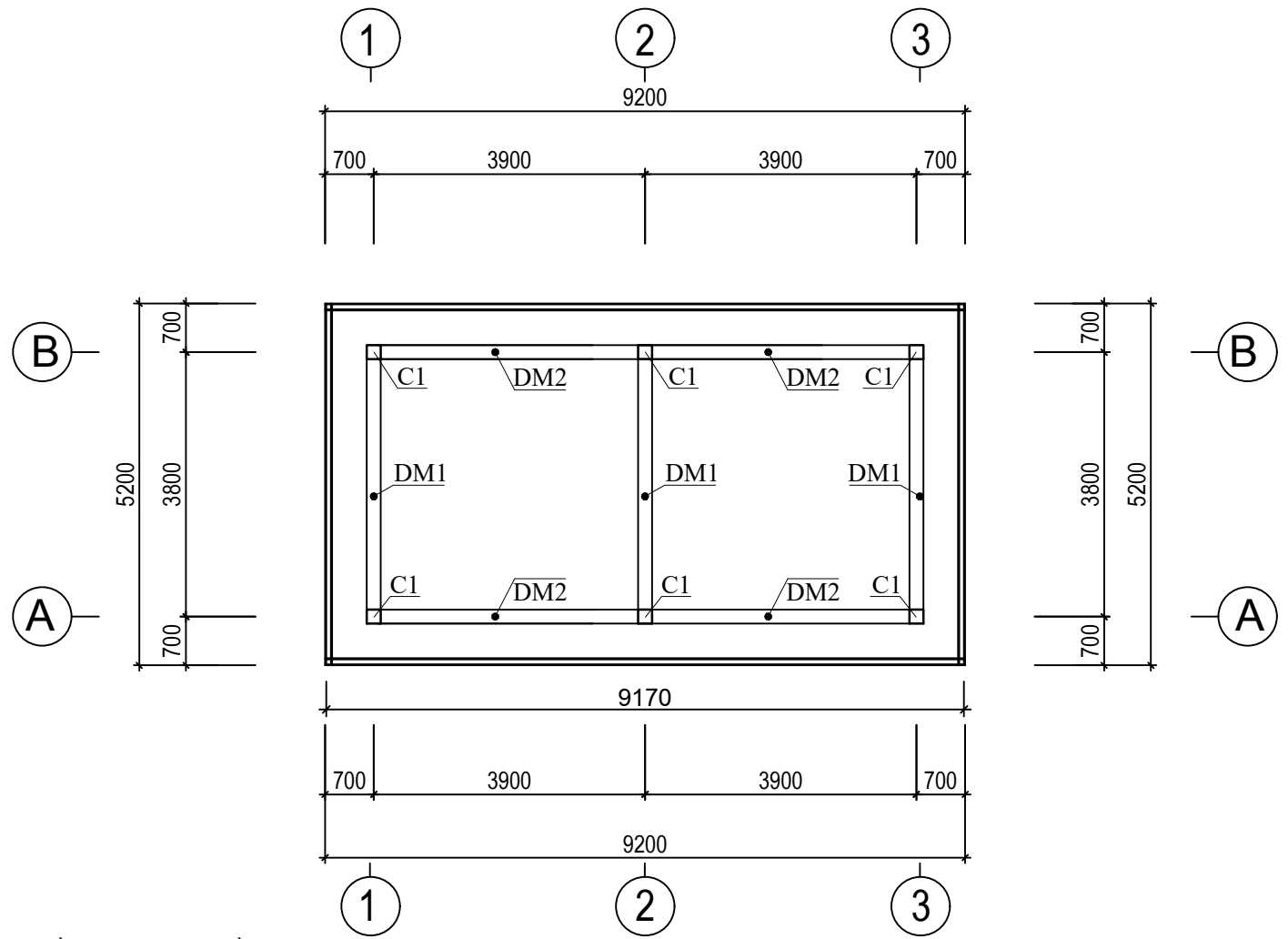
TÊN C.KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIẾN	T.BỘ		
MÔNG M4 Số lượng: 1	1	170 7870 170	16	8210	2	2	16.42	25.92
	2	7870	16	7870	2	2	15.74	24.84
	3	170 170 50	8	780	38	38	29.64	11.70

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 11.7 kg; Chiều dài = 29.64 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 50.76 kg; Chiều dài = 32.16 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIẾN	T.BỘ		
MÔNG M5 Số lượng: 1	1	170 7870 170	16	8210	2	2	16.42	25.92
	2	7870	16	7870	2	2	15.74	24.84
	3	170 170 50	8	780	38	38	29.64	11.70

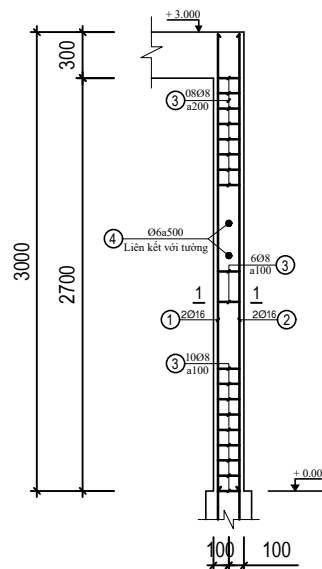
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 11.7 kg; Chiều dài = 29.64 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 50.76 kg; Chiều dài = 32.16 mét



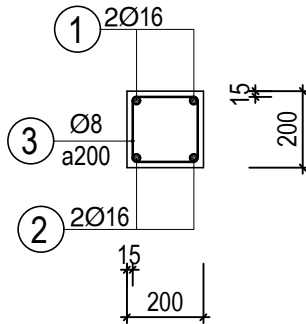
Ghi chú:

- Toàn bộ cốt thép cột, dầm được thi công bằng phương pháp nổi buộc.
- Thép chờ cột được nối so le với nhau đảm bảo L nối = 30d.
- Toàn bộ cột, dầm đổ bê tông mác 250# đá 1x2.

MẶT BẰNG CẤU KIỆN SÀN MÁI
Cos: 3.000



**CỘT C1
(06CK)**



CẮT 1 - 1

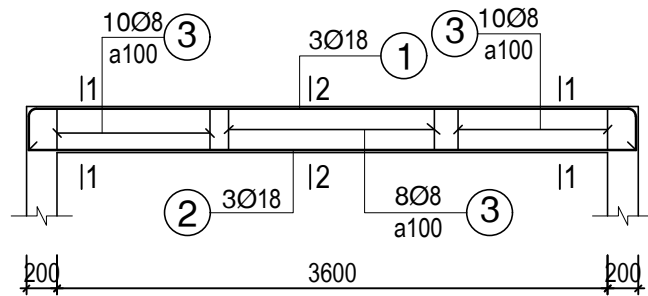
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
CỘT C1 Số lượng: 1	1	_____ 2971 _____	16	2971	2	2	5.942	9.38
	2	_____ 3471 _____	16	3471	2	2	6.942	10.96
	3	170 170 50	8	780	24	24	20.28	8.00
	4	50 1000 50	6	1100	6	6	6.6	1.46

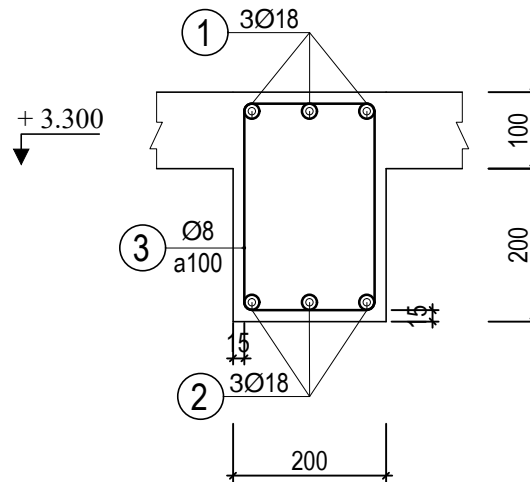
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6$ = 1.46 kg; Chiều dài = 6.6 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 8 kg; Chiều dài = 20.28 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16$ = 20.34 kg; Chiều dài = 12.88 mét

Ghi chú:

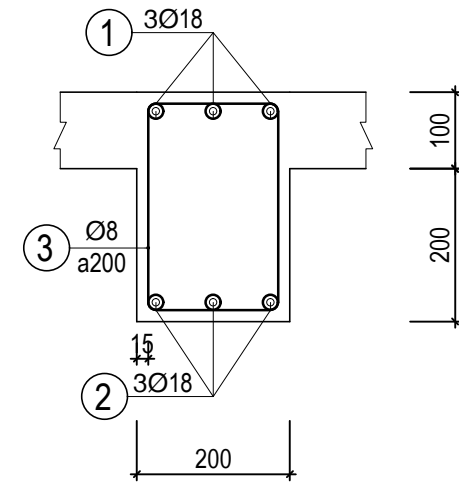
- Toàn bộ cốt thép cột được thi công bằng phương pháp nổi buộc.
- Thép chờ cột được nối so le với nhau đảm bảo L nối = 30d.
- Toàn bộ cột đổ bê tông mác 250# đá 1x2.



DẦM DM1
(03 CK)



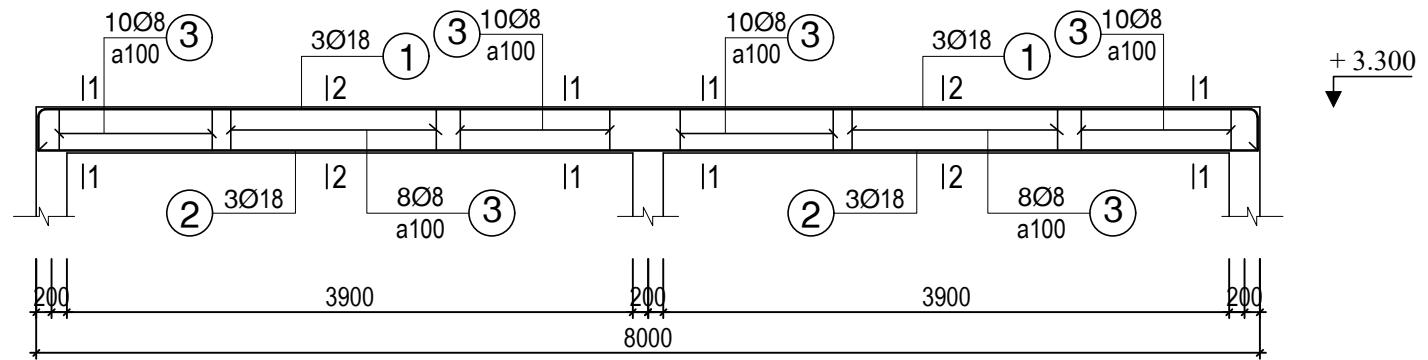
CẮT 1 - 1



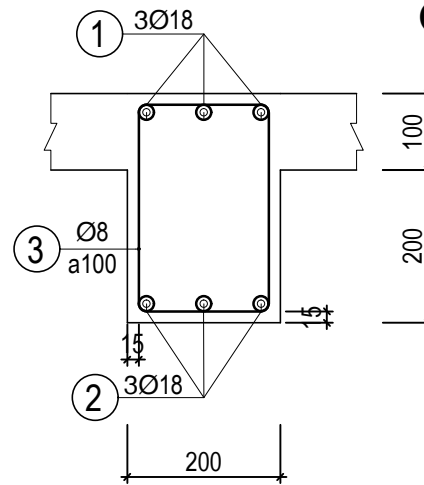
CẮT 2 - 2

Ghi chú:

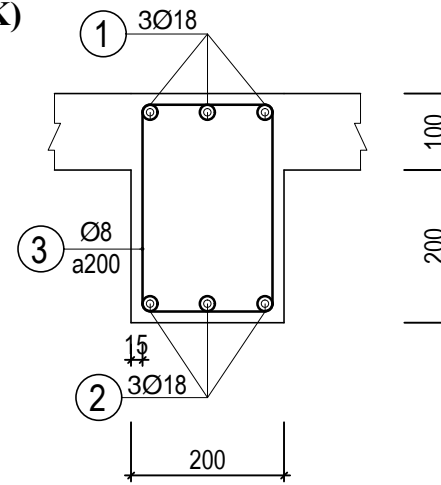
- Toàn bộ cốt thép dầm được thi công bằng phương pháp nổi buộc.
- Toàn bộ dầm đổ bê tông mác 250# đá 1x2.



**DÀM DM2
(02 CK)**



CẮT 1 - 1



CẮT 2 - 2

Ghi chú:

- Toàn bộ cốt thép dầm được thi công bằng phương pháp nổi buộc.
- Toàn bộ dầm đổ bê tông mác 250# đá 1x2.

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

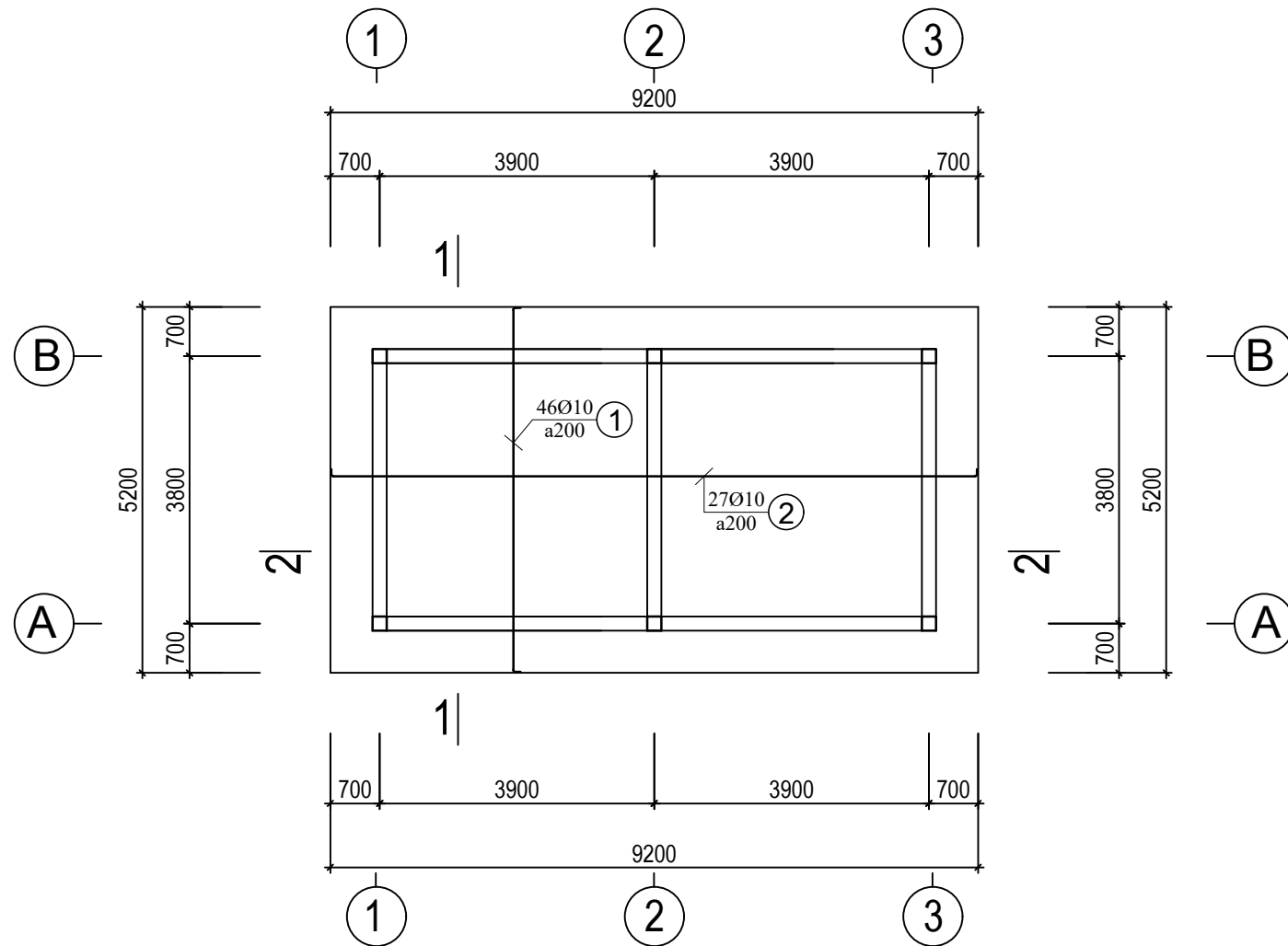
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DẦM M1 Số lượng: 1	1	270 3970 270	18	4510	3	3	13.53	27.03
	2	3970	18	3970	3	3	11.91	23.79
	3	170 270 20	8	920	28	28	25.76	10.16

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 10.16 kg; Chiều dài = 25.76 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 18$ = 50.82 kg; Chiều dài = 25.44 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DẦM M2 Số lượng: 1	1	270 7970 270	18	8510	3	3	25.53	51.00
	2	7970	18	7970	3	3	23.91	47.76
	3	170 270 50	8	980	56	56	54.88	21.65

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 21.65 kg; Chiều dài = 54.88 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 18$ = 98.76 kg; Chiều dài = 49.44 mét

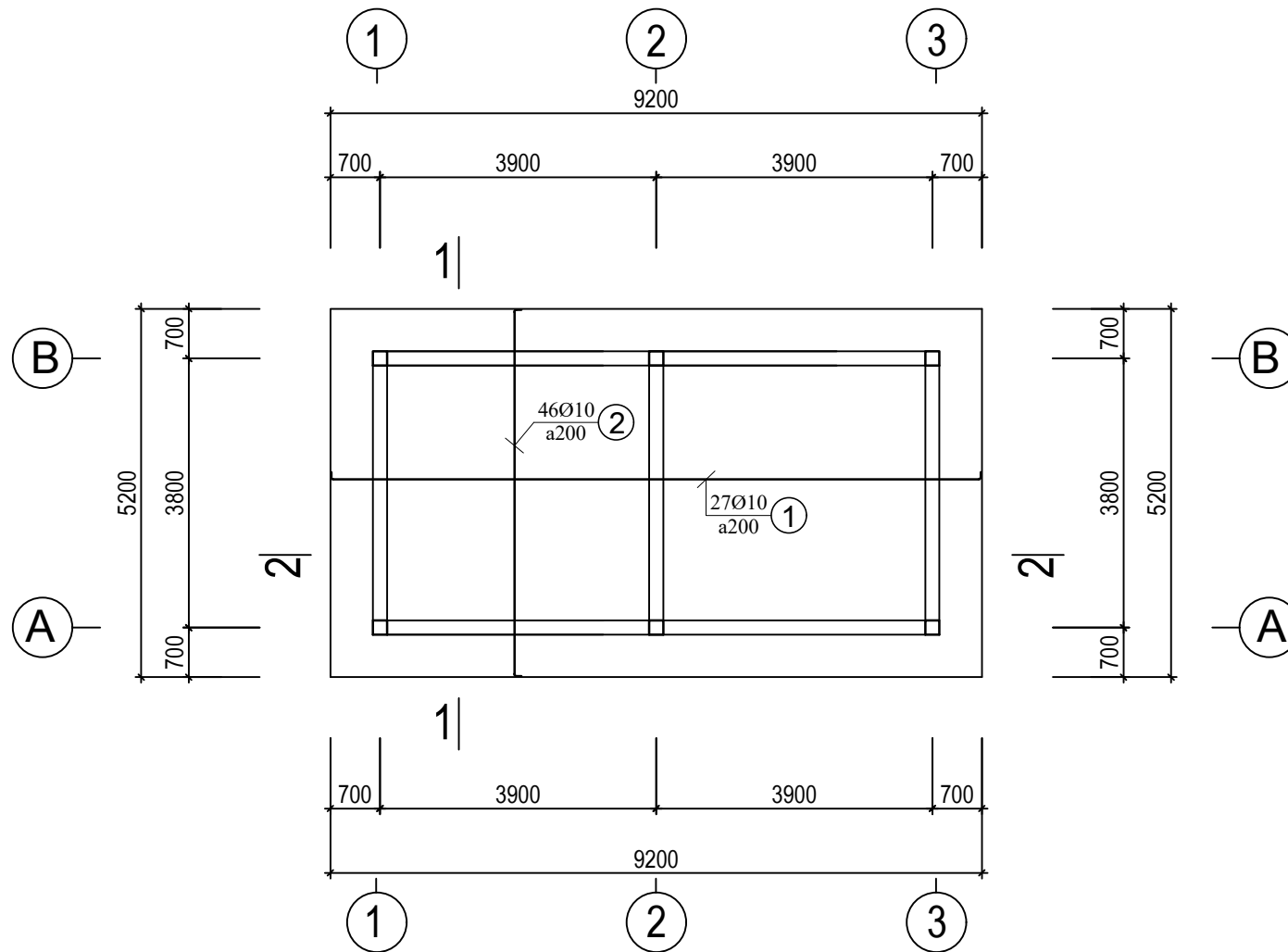


Ghi chú:

- Toàn bộ sàn đổ bê tông mác 250# đá 1x2.

MẶT BẰNG THÉP SÀN MIỀN DƯỚI

Cos: 3.000

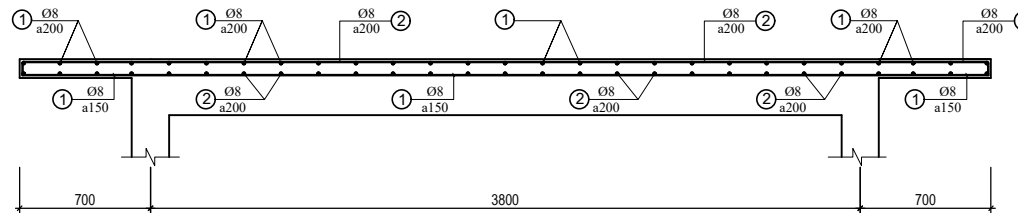


Ghi chú:

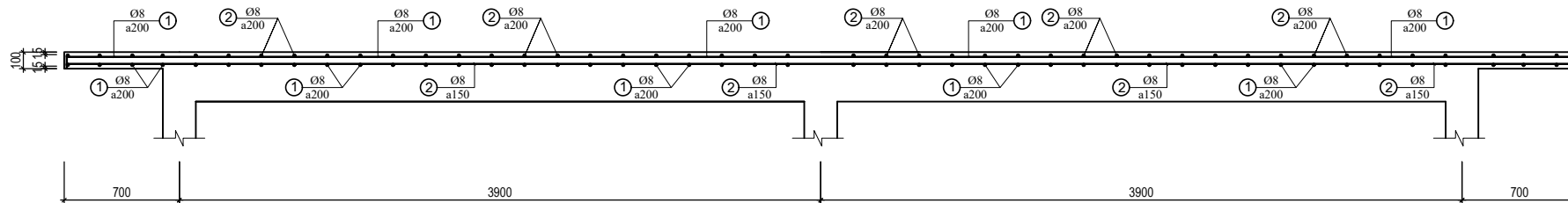
- Toàn bộ sàn đổ bê tông mác 250# đá 1x2.

MẶT BẰNG THÉP SÀN MIỀN TRÊN

Cos: 3.000



MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2 - 2

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

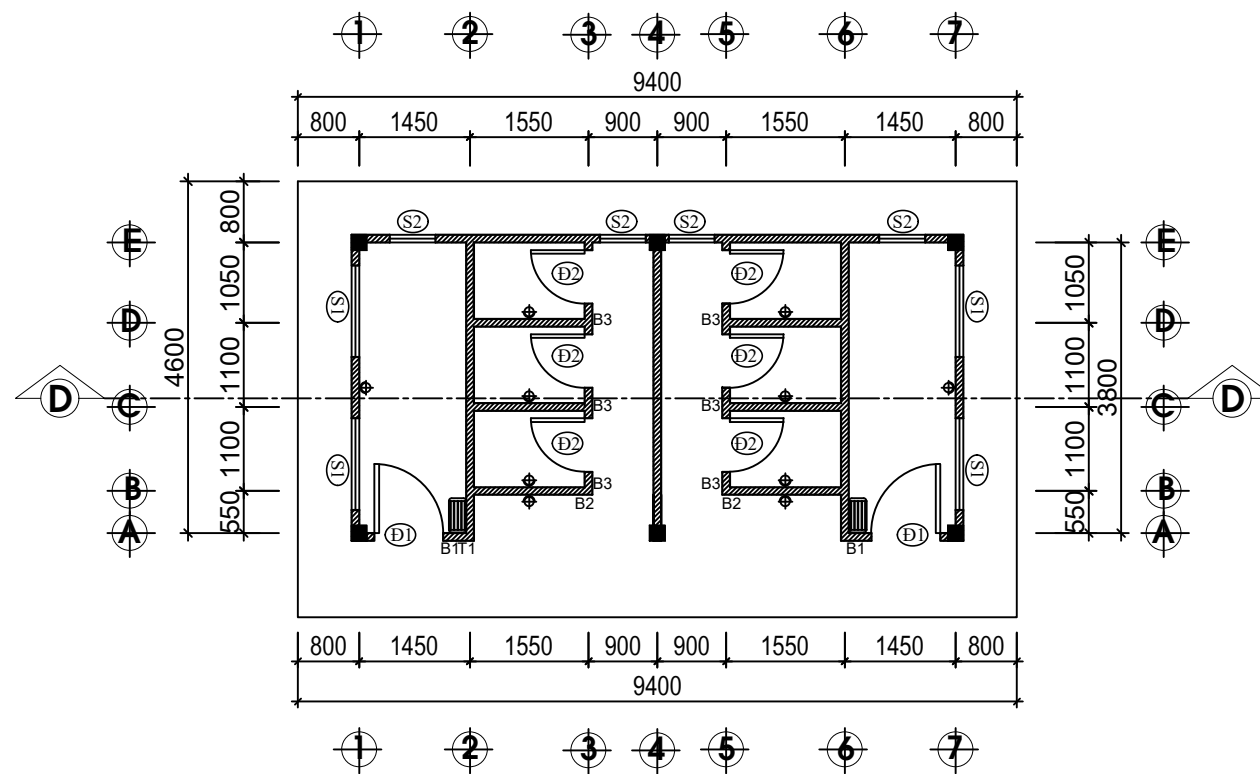
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
SÀN TRÊN SÀN DƯỚI	1	5170	10	5170	46	46	237.82	146.62
	2	9170	10	9170	27	27	247.59	152.65
SÀN TRÊN SÀN DƯỚI	1a	70 9170 10	10	9250	27	27	249.75	153.98
	2a	70 5170 10	10	5250	46	46	241.5	148.89

Ghi chú:

- Toàn bộ sàn đổ bê tông mác 250# đá 1x2.

↳ Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 602.14$ kg; Chiều dài = 976.66 mét

PHẦN ĐIỆN





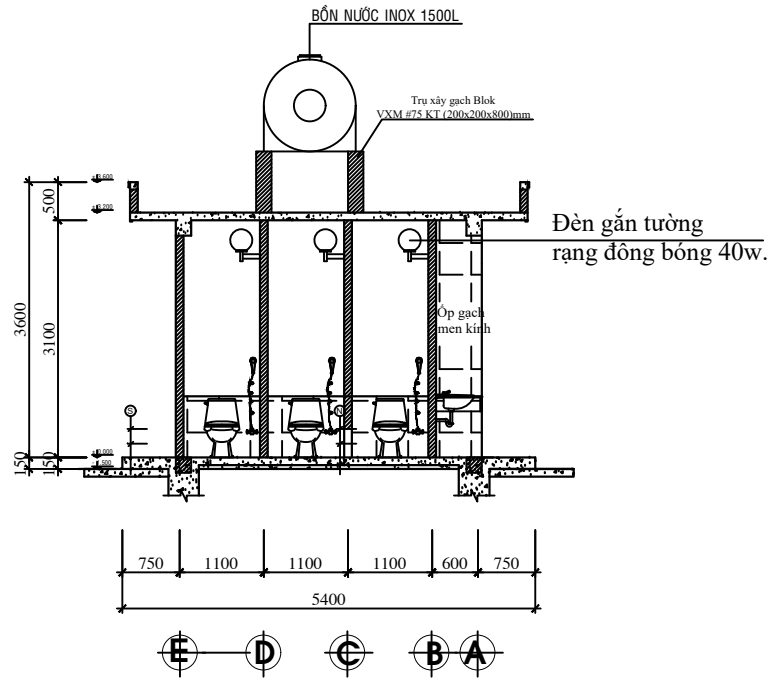
**MẶT BẰNG
(BỐ TRÍ ĐIỆN)**

GHI CHÚ:

- Toàn bộ dây dẫn được luồn trong ống gel mềm và được chôn ngầm trong tường và trần của công trình.
- Nóng lạnh được chạy song song và nối từ hộp nối dây ngoài hành lang tới.

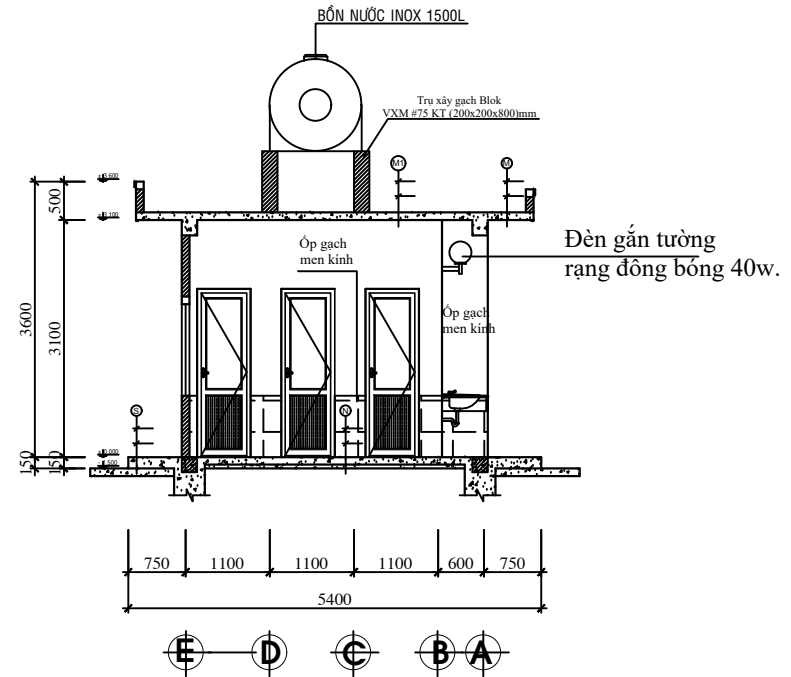
GHI CHÚ

-  Đèn gắn tường rạng đồng bóng 40w.
-  Bình nóng lạnh 30L



MẶT CẮT B-B

TL: 1/100



MẶT CẮT C-C

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- Toàn bộ dây dẫn được luồn trong ống gel mềm và được chôn ngầm trong tường và trần của công trình.
- Nóng lạnh được chạy song song và nối từ hộp nối dây ngoài hành lang tới.

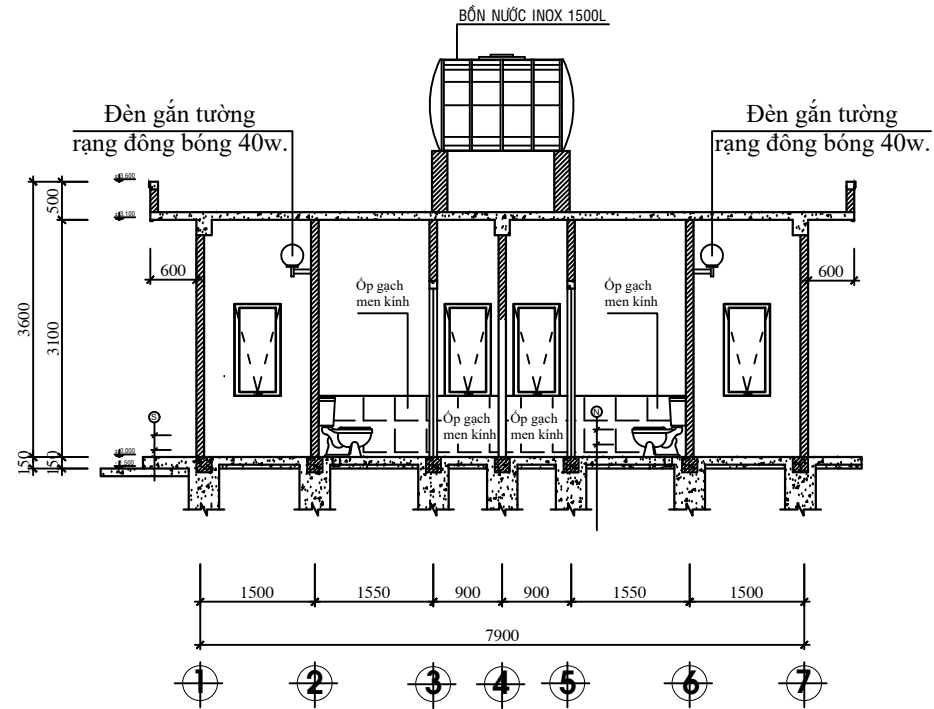
GHI CHÚ



Đèn gắn tường rạng đồng bóng 40w.



Bình nóng lạnh 30L



MẶT CẮT D-D

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- Toàn bộ dây dẫn được luồn trong ống gel mềm và được chôn ngầm trong tường và trần của công trình.
- Nóng lạnh được chạy song song và nổi từ hộp nổi dây ngoài hành lang tới.

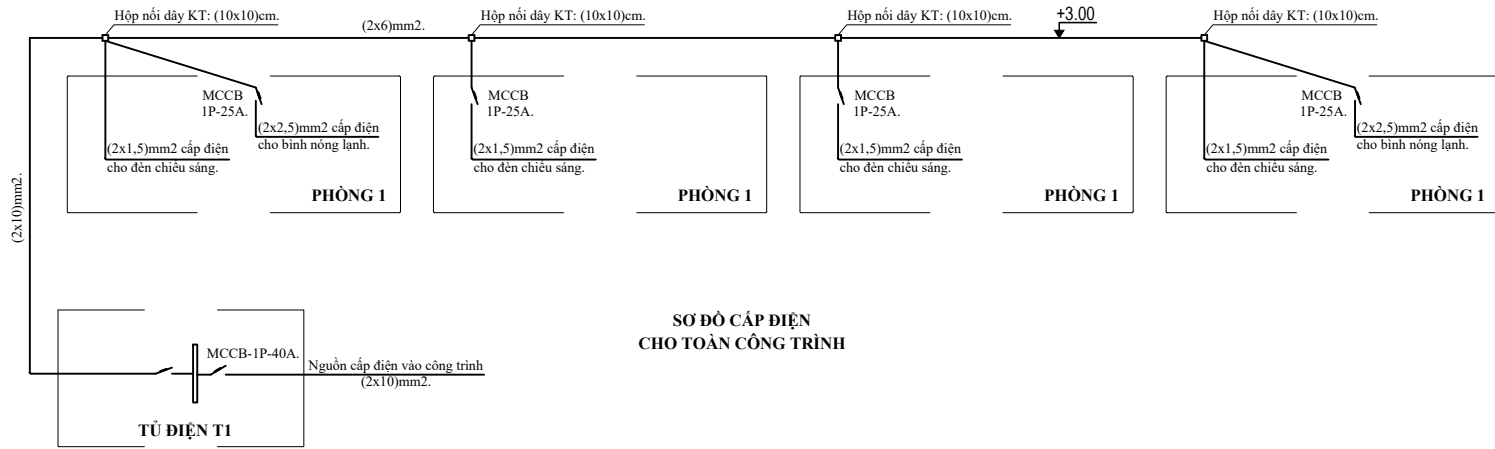
GHI CHÚ



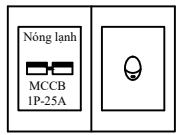
Đèn gắn tường rạng đồng bóng 40w.



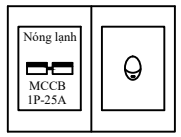
Bình nóng lạnh 30L



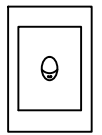
SƠ ĐỒ CẤP ĐIỆN
CHO TOÀN CÔNG TRÌNH



BẢNG B1
(02 CÁI)



BẢNG B2
(02 CÁI)



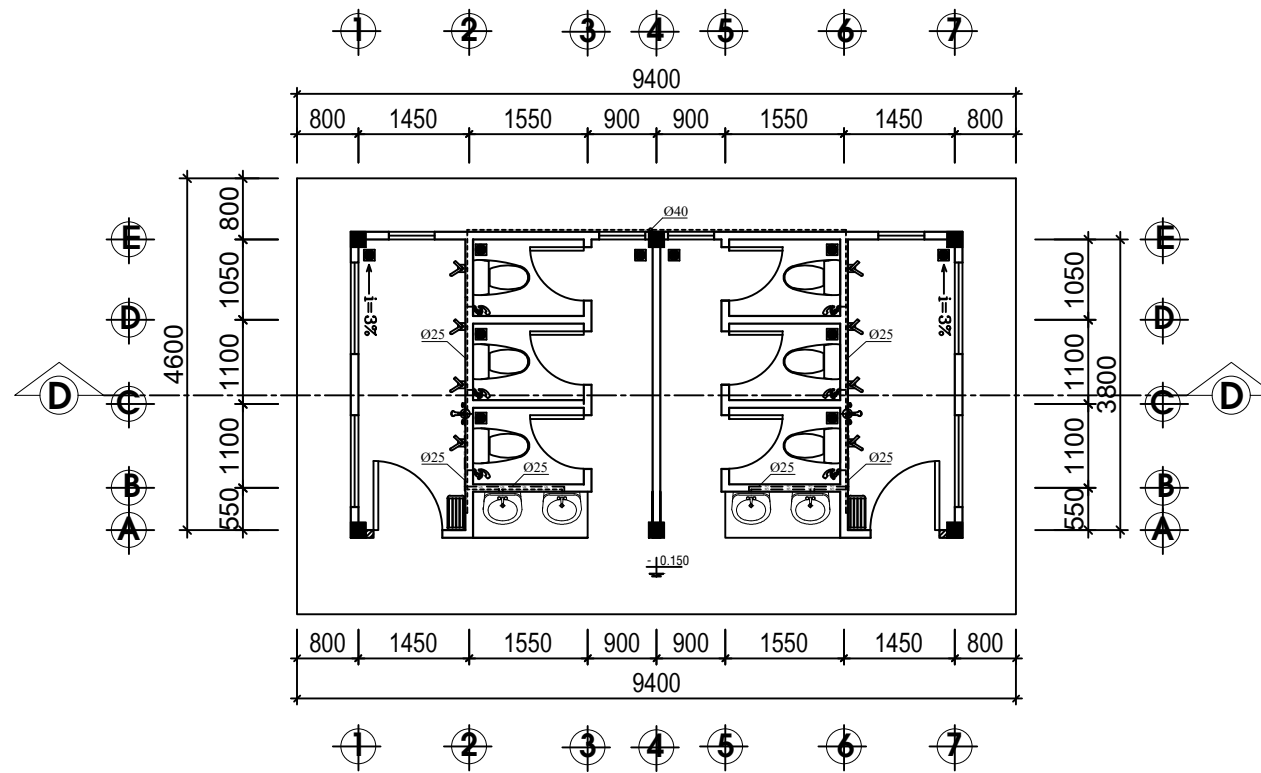
BẢNG B2
(06 CÁI)

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU ĐIỆN CHIẾU SÁNG

Số TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Quy cách
1	Cáp thép D = 3mm	m	100,0	Treo cáp đầu vào
2	Dây dẫn 2 ruột (2x10)mm2	m	100,0	Đầu với nguồn điện lưới
3	Dây dẫn 2 ruột (2x6)mm2	m	50,0	Trong ống gel nhựa D27
4	Dây dẫn 2 ruột (2x2,5)mm2	m	7,0	Trong ống gel nhựa D27
5	Dây dẫn 2 ruột (2x1,5)mm2	m	50,0	Trong ống gel nhựa D27
6	Công tắc - 1 hạt trên 1 công tắc (01 chiều)	cái	9,0	Cách nền 1,2m
7	Aptomat loại 1 pha - 2 cực, cường độ dòng điện 40A	cái	1,0	Cách nền 1,2m
8	Aptomat loại 1 pha - 2 cực, cường độ dòng điện 25A	cái	4,0	Cách nền 1,2m
9	Tủ điện vỏ tôn KT: (30x20x10)cm	cái	1,0	Cách nền 1,2m
10	Bộ xả đón điện	bộ	1,0	Gắn ở tường đầu hồi
11	Băng dính điện	cuộn	5,0	Cuốn mối nối dây và đầu dây
12	Đèn led Rạng đồng gắn tường bóng 20W hoặc loại tương đương	bộ	10,0	Cách nền 3,0m
13	Hộp nối, hộp phân dây	hộp	4,0	Cách nền 3,0m
14	Ống nhựa mềm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=27mm	m	107,0	Luôn bảo vệ dây điện
15	Cos đồng đầu dây loại 10mm	bộ	4,0	Ép chụp đầu dây
16	Cos đồng đầu dây loại 6mm	bộ	16,0	Ép chụp đầu dây
17	Cos đồng đầu dây loại 2,5mm	bộ	16,0	Ép chụp đầu dây

GHI CHÚ:
- Toàn bộ dây dẫn được luôn trong ống gel mềm và được chôn ngầm trong tường và trần của công trình.

PHẦN NƯỚC





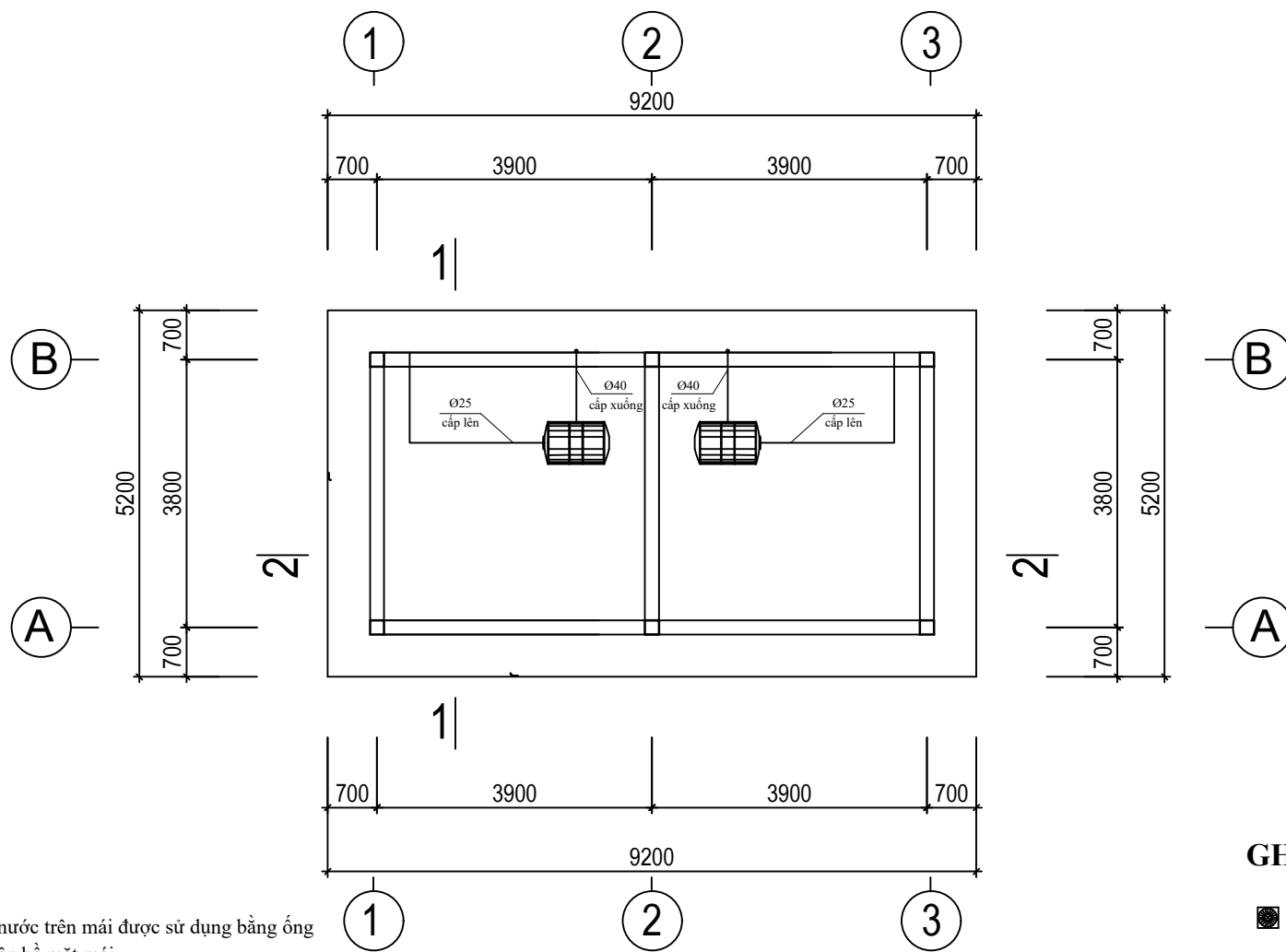
GHI CHÚ:

- Toàn bộ ống cấp nước trên mái được sử dụng bằng ống PPR và chạy nổi trên bề mặt mái.
- Toàn bộ ống cấp nước trong nhà được sử dụng bằng ống PPR và chạy âm trong tường.
- Toàn bộ ống thoát nước trong nhà được sử dụng bằng ống PVC chạy âm trong tường và dưới nền nhà. Ống thoát ra rãnh nước và bể phốt được chôn chìm dưới nền hệ rãnh và nền sân.

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

GHI CHÚ

-  Thoát sàn
-  Bình nóng lạnh 30L
-  Vòi xịt xí
-  Vòi xả nhanh
-  Sen tắm








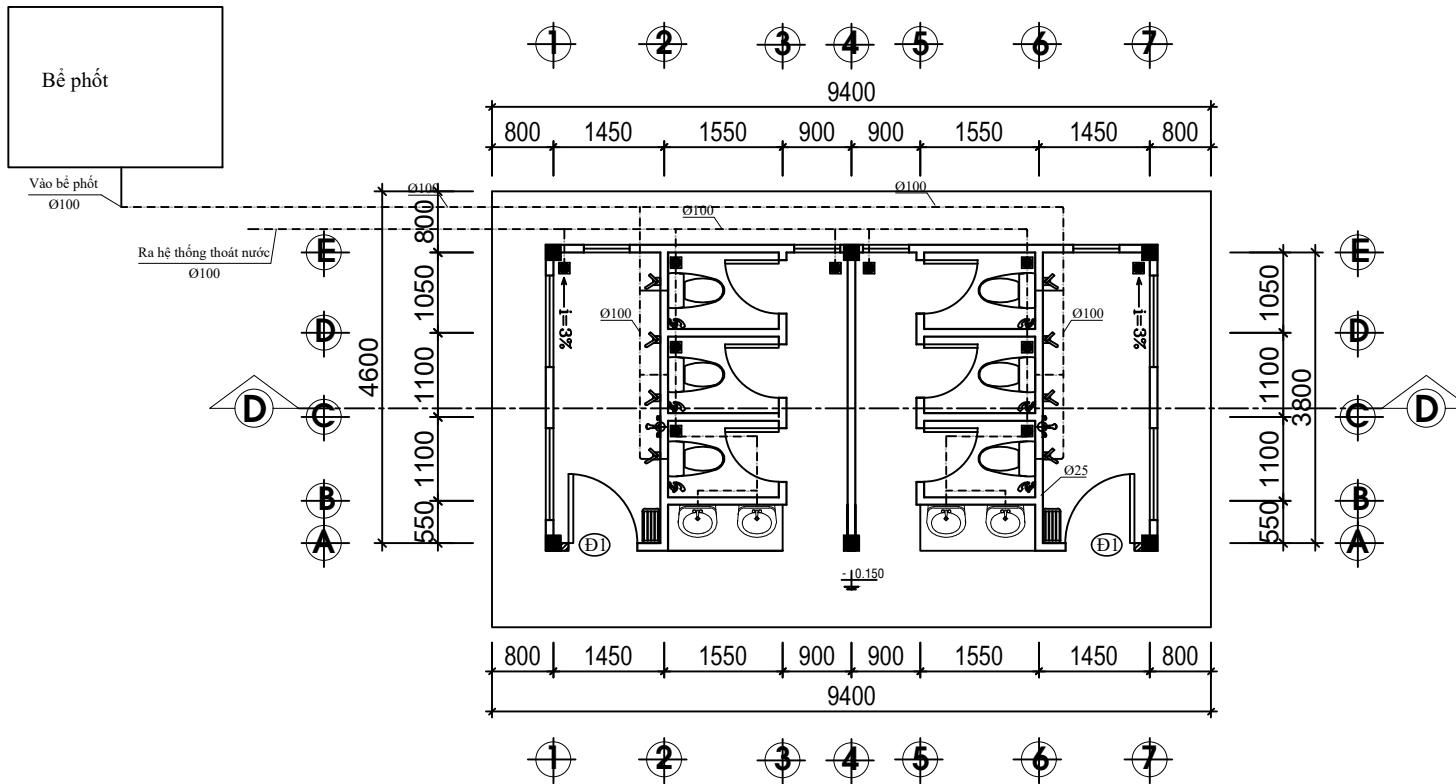
GHI CHÚ:

- Toàn bộ ống cấp nước trên mái được sử dụng bằng ống PPR và chạy nổi trên bề mặt mái.
- Toàn bộ ống cấp nước trong nhà được sử dụng bằng ống PPR và chạy âm trong tường.
- Toàn bộ ống thoát nước trong nhà được sử dụng bằng ống PVC chạy âm trong tường và dưới nền nhà. Ống thoát ra rãnh nước và bể phốt được chôn chìm dưới nền hè rãnh và nền sân.

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC MÁI

GHI CHÚ

-  Thoát sàn
-  Bình nóng lạnh 30L
-  Vòi xịt xi
-  Vòi xả nhanh
-  Sen tắm



GHI CHÚ:

- Toàn bộ ống cấp nước trên mái được sử dụng bằng ống PPR và chạy nổi trên bề mặt mái.
- Toàn bộ ống cấp nước trong nhà được sử dụng bằng ống PPR và chạy âm trong tường.
- Toàn bộ ống thoát nước trong nhà được sử dụng bằng ống PVC chạy âm trong tường và dưới nền nhà. Ống thoát ra rãnh nước và bể phốt được chôn chìm dưới nền hè rãnh và nền sân.

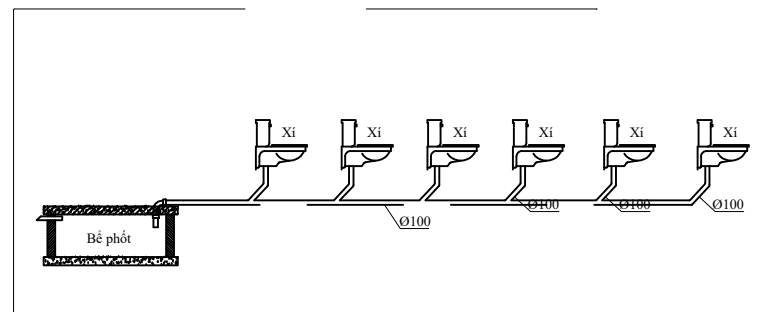
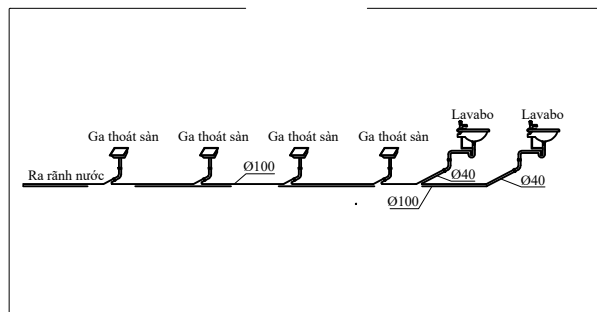
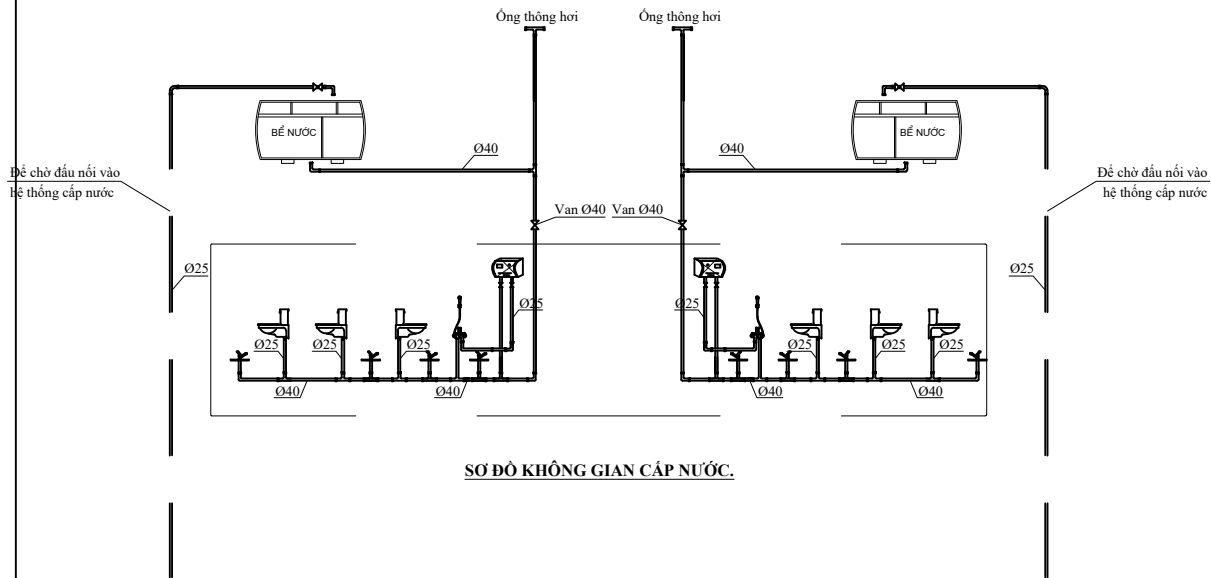
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

GHI CHÚ

-  Thoát sàn
-  Bình nóng lạnh 30L
-  Vòi xịt xí
-  Vòi xả nhanh
-  Sen tắm

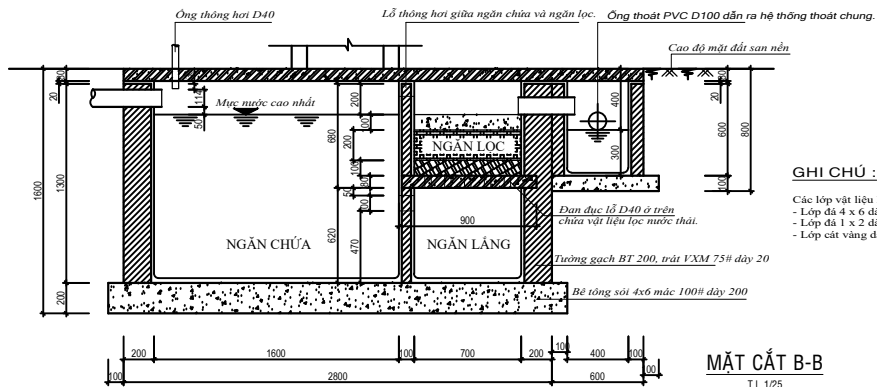
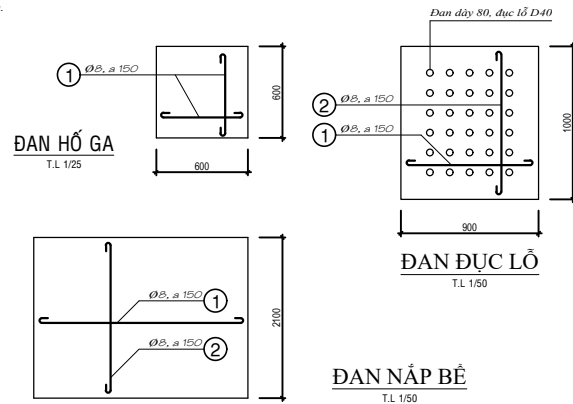
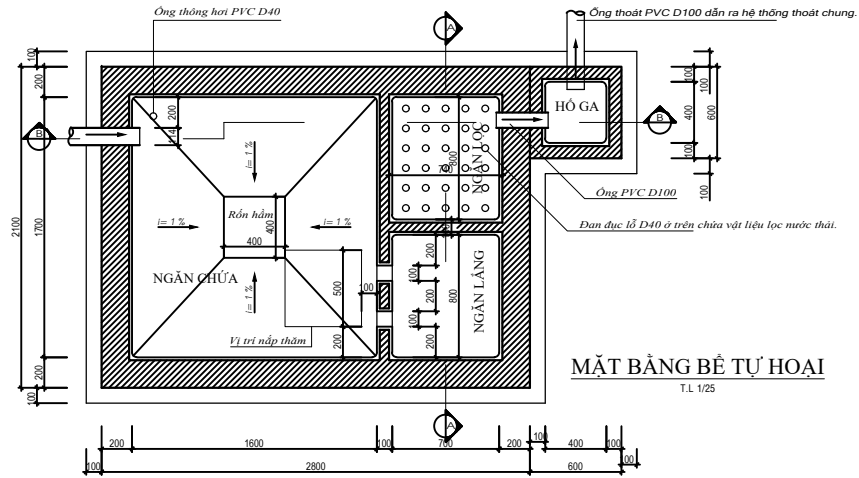
GHI CHÚ:

- Toàn bộ ống cấp nước trong nhà được sử dụng bằng ống PPR và chạy âm trong tường.
- Toàn bộ ống thoát nước trong nhà được sử dụng bằng ống PVC chạy âm trong tường và dưới nền nhà. Ống thoát ra rãnh nước và bể phốt được chôn chìm dưới nền hè rãnh và nền sân.
- Bình nóng lạnh; Sen tắm được thiết kế để chờ.

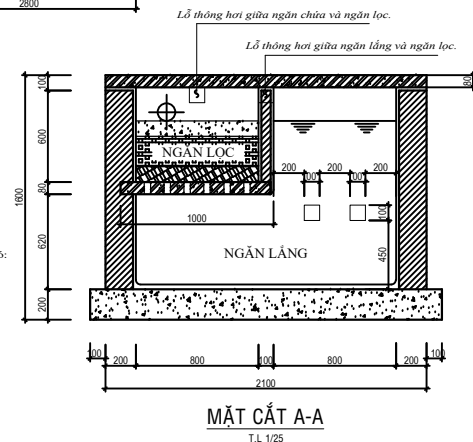


BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CẤP THOÁT NƯỚC

Số TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng
1	Ống nhựa PPR, đường kính 40mm	m	20,00
2	Ống nhựa PPR, đường kính 25mm.	m	45,00
3	Máng sông nhựa PPR; D = 40mm	cái	12,00
4	Tê nhựa PPR; D = (40x40)mm	cái	4,00
5	Cút nhựa PPR 90độ; D = (40x40)mm	cái	8,00
6	Van ren, đường kính van 40mm	cái	2,00
7	Cút nhựa thu PPR; D = (40 x 25)mm	cái	16,00
8	Cút nhựa PPR 90độ; D = (25x25)mm	cái	30,00
9	Máng sông nhựa PPR; D = 25mm	cái	25,00
10	Tê nhựa PPR; D = 25mm	cái	15,00
11	Nút bịt nhựa, đường kính nút bịt 40mm	cái	30,00
12	Nút bịt nhựa, đường kính nút bịt 25mm	cái	90,00
13	Chậu rửa mặt 2 vòi	bộ	4,00
14	Vòi rửa 2 vòi	bộ	4,00
15	Vòi rửa vệ sinh	bộ	6,00
16	Mối nối mềm	cái	10,00
17	Hộp đựng	cái	6,00
18	Xí bệt	bộ	6,00
19	Gương soi	cái	4,00
20	Kệ kính	cái	1,00
21	Giá treo	cái	2,00
22	Lắp đặt phễu thu ĐK 100mm	cái	4,00
23	Ống nhựa PVC, đường kính 100mm	m	35,00
24	Chếch 45 độ nhựa PVC; D = 100mm	cái	15,00
25	Cút 90 độ nhựa PVC; D = 100mm	cái	15,00
26	Tê nhựa PVC; D = 100mm	cái	15,00
27	Ống nhựa PVC, đường kính 40mm	m	20,00
28	Chếch 45 độ nhựa PVC; D = 40mm	cái	15,00
29	Cút thu 90 độ nhựa PVC; D = (100x40)mm	cái	15,00
30	Téc nước Inox loại 1,5m ³	cái	2,00



GHI CHÚ :
 Các lớp vật liệu lọc từ dưới lên gồm có:
 - Lớp đá 4 x 6 dày 100.
 - Lớp đá 1 x 2 dày 200.
 - Lớp cát vàng dày 100.



GHI CHÚ:
 - Bê tự hoại xây gạch bê tông (15x20x30) bằng VXM 75#.
 - Trát VXM 75#, đánh màu XMNC.
 - Láng VXM 100# có đánh màu XMNC.
 - Đáy bê tông đá 1x2 mác 200# dày 200.
 - Tấm đan lắng lọc, nắp bê, hồ ga đổ BTCT mác 200#.

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KINH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
Nắp bê	1	50 2770 50	8	2870	15	15	43.05	16.99
	2	50 2070 50	8	2170	20	20	43.4	17.12
Đàn lỗ	1	50 870 50	8	970	8	8	7.76	3.06
	2	50 970 50	8	1070	7	7	7.49	2.96
Giả	1	50 570 50	8	670	10	10	6.7	2.64

- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 42.77 kg; Chiều dài = 108.4 mét